

Số 11 — NĂM THỨ TÁM — NHÂM-DẬ



LIÊN-HOÀ

NGUYỆT SAN

LIÊN HOA

NGUYỆT SAN



MỤC LỤC SỐ 11 NĂM THỨ 8

P. L 2506 — RẪM THÁNG 11 NĂM NHÂM-DẦN (11-12-1962)

Diễn-văn khai-mạc Đ.H.Đ.G.H.T.G.T.Q.

Thiên

Tịnh-Như

Một Đại-đức Ấn-độ mang đến Nhật

6,000 con voi

Huyền-Không

Luyện Tân duy thức

Thích Mật-Nguyễn

Huyền-Trang nhà chiêm bái và nhà học-giả

Thích Minh-Châu

Lược khảo các tôn phái trong Phật-giáo

Thích Nguyễn-Hồng

Xướng tác

Nguyễn-Thái

Vườn thơ đạo-lý

Nhất-Như

Xá - Vệ

Thích Thiện-Châu

Nước tịnh rửa thù (*Kịch*)

Hoàng-Ân

Lễ khánh thành chùa Hải-Quang...

Duy-Vỹ

Quỹ cứu trợ nạn bão BABS...

Mách thuốc

Bác-sĩ N. A.

Tin tức

Bìa do Họa-sĩ Phạm-đăng-Trí trình bày



Toàn thể Phật - tử
hãy thành kính cử
hành lễ khánh - đản
đức Phật A - Di - Đà
ngày 17 tháng 11 âl.

DIỄN VĂN

Khai mạc Đại-hội-đồng Giáo-hội Tăng-già Toàn-quốc lần thứ III tại chùa Ấn - Quang Chợ - lớn.

NAM MÔ BỒN - SƯ THÍCH - CA MÃU - NI PHẬT

Kính bạch Chư-tôn Hòa - thượng, Thượng - tọa Đại - đức Tăng, Ni.

Kính thưa liệt Quý-Vị,

Trước hết, thay mặt Đại-hội-đồng và Tổng-Trị-Sự Giáo-Hội Tăng - Già Toàn - Quốc, chúng tôi xin dâng lên Quý Hòa - Thượng chứng minh lòng thành kính tri ân mà suốt nhiệm kỳ qua, nhờ oai đức của Quý Hòa - Thượng Phật - sự của Giáo-Hội được tiến hành đều đặn. Chúng tôi tin tưởng rằng với sự hộ trì của Quý liệt Hòa - Thượng mà Phật - sự của Giáo-Hội càng ngày càng thêm rạng rỡ, vững bền.

Tổng Trị-Sự chúng tôi cũng xin ghi nhận sự đóng góp quan trọng vào sự lãnh đạo tinh thần Tăng Tín - đồ trong nước của Ban Trị-Sự Giáo-Hội Tăng-Già các Phần. Tôi tin rằng tất cả Quý-Vị đều đã nhận rõ rằng vị trí quan trọng là chủ yếu của Tăng - Bảo trong công việc Hoằng - dương Chánh-pháp và chính vì **Như-Lai Sư** nặng nề đó làm cho trách vụ của Giáo - Hội càng thêm cấp thiết, mà sự thực hiện càng ngày càng thêm khó khăn vì nhân tâm, vì hoàn cảnh, vì những sự xao động của tư tưởng con người, vì ảnh hưởng của lịch sử đối với nền đạo đức dân tộc. Để có thể đứng vững và kịp thời xây dựng một Giáo - Hội đúng với thực danh thực nghĩa mà đức Như - Lai đã giao phó, chúng tôi nhận thấy cần phải có một đường lối khế lý, hợp cơ, một tinh thần Hoằng-pháp, hộ-pháp đồng mãnh vô cùng, một tổ chức hợp nhất từ hình thức đến ý chí hành

động và sự điều hành duy nhất của một cơ cấu lãnh đạo nền tín-ngưỡng dân tộc.

Kính thưa Đại-Hội-Đồng.

Đó là một bận tâm của chúng ta trong Đại-Hội-Đồng này và cũng là phần cần thiết cho các ngày thảo luận của Đại-Hội; xin Quý-Vị Đại-Biểu, do kinh nghiệm địa phương tích cực đóng góp vào đề xây dựng cho Hội - nghị được thành tựu mỹ mãn. Do sự truyền thống của một nền tôn-giáo dân tộc, chúng tôi xin Đại - Hội lưu ý cho các vấn đề sau đây:

- Vấn đề Giáo quyền.

- Vấn đề nghiêm tịnh giới luật.

- Vấn đề giáo dục và đào tạo Thanh - Niên

Tầng đó là những vấn đề cấp thiết và cần thiết đề tạo cho Giáo - Hội có một nền tảng vững chắc trong hiện tại và tương lai.

Kính thưa liệt Quý-Vị,

Chúng tôi nghĩ rằng, trong giai đoạn hiện tại những sự khó khăn bề ngoài đòi hỏi ở chúng ta không những ở ý kiến hay, kinh nghiệm thiết thực mà còn phải có rất nhiều thiện chí, hy sinh và nhẫn nại, đề thiết thực bắt tay vào những công việc đáng làm, cần làm và làm được mới hầu mong có đủ thời gian đề xây dựng cho tổ chức Giáo - Hội và đứng với danh nghĩa: «Di pháp cúng dường».

Kính Bạch Hòa-Thượng và Quý-Vị Tổng Trì-Sự chúng tôi xin cảm tạ Quý-Vị Hòa-Thượng đã lân mẫn quang-lâm chứng minh buổi lễ khai mạc đề được tăng phần trọng thể và cảm tạ toàn thể Quý-Vị đã đáp ứng lời mời của chúng tôi tham dự buổi lễ khai mạc đống đủ.

Một lần nữa chúng tôi xin chân thành tri-ân và cầu nguyện Tam-bảo hộ trì cho toàn thể Quý-Vị thân-tâm an-lạc.



THIÊN

Của T | NH - NHƯ

SỐNG trong cuộc đời luôn luôn bị chế-ngự bởi đau khổ, tật bệnh, chết chóc, con Người bao giờ cũng muốn vươn lên thực-tại để tìm đến Vô-cùng. Đằng sau bức tường âm-thanh, màu sắc, hương vị mà con người tri giác được; đằng sau cái thế-giới mệnh-mông nhưng luôn luôn giả-hợp và biến-động, con Người thông thường vẫn tin rằng còn có một cái gì luôn luôn vĩnh-cửu và bất biến. Cái đó bắt lực trong lý-giải, nhưng có thể suy-niệm và trực nhận — Dù suy niệm và trực nhận sai lầm. Đó là tuyệt-đối, là Thái-cực, là Siêu việt, là Thiên.

Quan-niệm Thiên đơn-giản nhất là quan-niệm Thiên có tự-ngã và nhân-cách. Thiên tự tại, tự-hữu, hằng-hữu. Thiên sáng-tạo ra vũ-trụ. Thiên là khởi điềm của Nguồn sống. Mọi sinh-hoạt thường nhật đều thừa hành bởi Thiên ý mẫu-nhiệm. Sống hợp-lý, theo quan-niệm đó, là phải phụng-sự Thiên, hiến dâng Thiên để được đời đời vinh-quang trong ánh sáng và tình yêu của Thiên bất tử.

Trong triết-học, Thiên dần dần xa cách con người và trở nên lạnh lùng. Thiên không còn liên-hệ gì đến cuộc sống, nên dù hiện-hữu hoặc không hiện-hữu. Thiên cũng không giải-quyết gì được những đau, già, bệnh, chết và những nỗi bất công của kiếp người. Thiên chỉ còn là một thứ xa-xỉ phạm của những bộ óc siêu-hình. Ý-thức về Thiên, tức là

Thiên bị gói trong ý-thức, là sáng tạo phẩm của ý-thức. Thiên trở nên đối-tượng khảo-sát và giá-trị của Thiên trở nên thấp kém. Nếu Thiên tồn tại ngoài ý-thức, thì Thiên xa cách trần gian và có Thiên hoặc không Thiên cũng không cần phải bàn tới.

Trong đạo-học Trung-hoa và trong các thuyết duy-tâm, Thiên không còn là một hình ảnh và một nhân-cách như hình-ảnh và nhân-cách con Người. Thiên trở nên một năng lực, một sức chuyên-động, một nguyên-tắc vận-hành, một lý-tính tuyệt-đối. Thiên ẩn-tàng trong sự sống và vận-hành sự sống, Sống phù-hợp với năng-lực vận-hành đó là tùy thuận Thiên-lý và Thiên-mệnh.



Dù hữu ngã hay vô ngã, dù lý-tính hay Thái-cực, dù nhân-thức Thiên bằng lý-luận, bằng ý-thức hay bằng suy-niệm, đối với Phật-giáo, sự nhận-thức như vậy vẫn còn phiến diện. Vì phiến-diện nên sai lầm. Tất cả, đối với Phật-giáo, đều là VỌNG KIẾN.

Vũ-trụ, trên mặt hiện tượng, chỉ là tổ hợp của nhân-duyên, của những lực lượng tác động và phản động chằng chịt, rắc rối, không do một nguyên-nhân đơn độc mà kiến-lập được. Trên mặt bản thể, sự hiện hữu của vũ-trụ chỉ là những đốm hoa nắng chợt hiện, chợt mất giữa hư không do lóa mắt mà có. Tuy sinh ra, diệt đi, nhưng đâu có thực-thể, đâu có chỗ bắt đầu và đâu có chỗ diệt tận, đâu có khởi điểm nguyên thủy sáng tạo, đâu có vô cùng hoặc hữu cùng. Hư-không vốn bình thản, tự nhiên. Các hoa đốm lừng xăng sinh diệt là bởi «thấy lầm» chứ đâu có thật hoa đốm.

Vũ-trụ và ý-thức là hai bình diện luôn luôn tương quan liên hệ. Ý-thức là ý-thức một cái gì, một vật nào. Nếu không có đối tượng, thì ý-thức cũng không hiện-hiện được. Và trái lại, nếu không có ý-thức, thì đối-tượng cũng không hiện-hữu. Nên hiện-tượng giới cùng ý-thức giới bản lai vốn **KHÔNG**.

Thế nên vũ-trụ hiện-hữu không phải do THIÊN mà chính vì liên-hệ đến ý-thức. Và chính ý-thức của ta, cùng mọi hoạt-động tâm lý, cũng không phải do THIÊN tác thành, mà chính vì tương-quan đến đối tượng nên hiện-hữu. Cả hai, ý-thức lẫn đối tượng chỉ là ảo ảnh của một toàn bộ năng lực thức biến vốn không khởi-điểm, không cứu cánh, không giới hạn, không vô cùng, không tương đối, không tuyệt đối, không hiện-hữu, không vô-hiện-hữu, không có và cũng không không... Nhưng trong cái không khởi-điểm, không có và cũng không không, vì vọng kiến tự soi lấy nhau, ôm lấy nhau, nương lấy nhau mà cùng với vô cùng, lớn với nhỏ, thiện với ác, có với không theo tư-duy mà xuất hiện. Thiên cũng xuất hiện từ vọng kiến đó khi con người suy niệm đến chủ thể, khách thể, giới hạn, vô cùng...



Thiên theo Phật-giáo chỉ là những loài sống trong những cảnh-giới tốt đẹp và an lành hơn cảnh-giới của con người. Nào là Đâu-suất-thiên, Đao-lợi-thiên, Tha-hóa tự-tại-thiên v.v. Thiên chỉ là một cửa ngõ cao nhất trong sáu cửa ngõ luân-hồi, đều nằm trong sự biến-động, giả hợp. Làm 10 thiện nghiệp (1) thì thác sanh làm Thiên, quả thiện-nghiệp đến kỳ chín rụng nếu không tiến tu thì sức mạnh vô-thường vẫn kéo trôi lăn trong vòng sanh-tử.

(1) 10 Thiện-nghiệp xin xem kinh «Thập-thiện Nghiệp-dạ» sẽ rõ.

Ngày nay, nhân-loại vì vọng-kiến — và không biết cách trừ vọng-kiến — nên cúi đầu trước một sức mạnh vô hình mệnh danh là Thiên. Xác nhận có một thiên-lực là đã biết nhìn, biết khám phá, nhưng nhìn và khám phá chưa thấu đáo, chưa chính xác, như người nhìn sương mù trắng xóa với kết luận không-qian bản chất vốn là sương mù. Bóng dáng sương mù chưa đủ để thể-hiện bản chất của không-qian đích thực.

Nhưng xác nhận có siêu-viết còn có ích lợi hơn là vì cuồng-vọng mà tự xưng mình là Thiên, như những kẻ vô thần đang không-chế nhân-loại. Cầu-nguyện suông không biết được xã-hội đau khổ thành Thiên-đàng đã đánh, nhưng dùng máu và bạo lực để dựng Thiên-đàng trần-gian trong khát vọng vô thần lại càng không thể được.

Thiên-đường hay Địa-ngục chỉ đo lường nơi ý-niệm và hành động. Quả đất có thể biến thành Thiên-đường với điện-lực, nguyên-tử và cũng có thể biến thành Địa-ngục với những năng-lực nguy hiểm đó. Đeo kính đen thì cảnh vật đen, đeo kính hồng thì cảnh vật hồng. Thiên-đường trần-gian chỉ có, thể thực-hiện trong Bình-đẳng thẳng tưng tranh, trong Từ-Bi thẳng hạn thù, trong Trí-Tuệ thẳng cường si vọng-tướng.

SÁCH MỚI :

**Trường-A-Hàm.
Bát-Đại Nhân-Giác.
Lược sử Phật-Tổ.**

Là ba tập sách Phật rất giá trị, về hình thức lẫn nội-dung, do Phật-học-Viện Trung-phần tại Nha-Trang xuất-bản và phát hành. Chúng tôi rất hoan-hỷ giới thiệu ba tập sách Phật trên với quý độc-giả Liên-Hoa.

L. H. N. S.

MỘT ĐẠI - ĐỨC ẤN - ĐỘ

mang đến Nhật 6000 con voi



THÍCH MÃN-GIÁC

MỘT Đại - đức Ấn - Độ mang đến Nhật 6000 con voi, đó là một tin mà các báo chí ở Đông kinh đều đăng. Nghe như vậy, chắc quý độc-giả Liên-Hoa lấy làm ngạc nhiên, tự hỏi một Đại - đức sao mang nổi 6000 con voi và vị Đại - đức ấy mang voi đến Nhật làm gì?

Xin quý độc - giả theo dõi tin này, tôi tin chắc quý độc - giả sẽ rõ mục đích của vị Đại - đức xứ Phật kia, khi làm cái chuyện ngộ nghĩnh ấy. Nguyên tháng 9 dương - lịch vừa rồi, có một Đại - đức người Ấn, tên là Chaman Lal, vừa là một vị Tỷ - kheo đệ - tử Phật, vừa là một kỹ - giả nổi tiếng đã nhiều lần đến viếng Nhật. Chuyến viếng này là thứ 25, trong

25 chuyến mà Đại - đức đã đi quanh thế - giới,

Trong thi - gian đến Nhật, Đại - đức Chaman Lal vừa cho xuất bản cuốn sách mới nữa, nhan đề là : « Thế - giới là Trường học của Tôi » (The World is my School). Cuốn này là cuốn sách thứ 41, trong số các sách mà Đại - đức Chaman Lal đã cho xuất bản lâu nay.

Đại - đức Chaman Lal đã đi qua khắp các quốc gia ở Phi - châu, Á - châu và nói rằng : « Các nước mới này nên học hỏi thêm về các phương diện tiến bộ như : Giáo - dục, Kỹ - nghệ, Hợp - tác - xã, Khoa - học và Kỹ - thuật kiến thiết... trong các nước : Nhật - bản, Hoa - kỳ, Anh, Đức, Đan - mạch, Swit - zerland, Norway và Sweden ».

Đại-đức Chaman Lal có viết 5 cuốn sách về Nhật - bản, cuốn đầu tiên nhan đề: « Sự huyền-bí của Nhật » (Secrets of Japan), in từ năm 1934 và cuốn này được in ra thành 5 thứ tiếng phát hành trong 5 quốc gia. Đại - đức cũng thành công trong cuốn: « Tiểu Công-nghệ nông-thôn Nhật-bản » (Cottage Industries of Japan) và cuốn Nhật - bản Phục-Hồi » (Japan Reborn).

Nói đến sự phục-hồi của Nhật, không quốc gia Á-châu nào lại không biết. Nhật-bản vẫn minh về kỹ-thuật khoa-học đến độ mà chúng ta không thể nói được. Đến Nhật, người ta gặp được những phong tục, tập quán, tín-ngưỡng, giáo-dục và phong-độ... của con người Á-châu; đồng thời chung quanh mình còn có bao nhiêu phương tiện tiến bộ của khoa - học để phụng sự con người không thua chi Âu-châu và Mỹ-châu: Cảm nhận những điều trên, các quốc gia Á-châu đã cho sinh-viên sang Nhật rất đông

không kể Hàn-quốc và Đài-loan (1) sinh viên Nam-dương đông nhất, thứ nhì là Thái-lan, thứ ba là Mã-lai và Hồng-kông, còn các nước khác thì không đáng kể. Nghe các sinh viên Việt-Nam tại Nhật đồn: Nhạc - sĩ Hoàng - Thi - Thơ, người dẫn đầu Đoàn Văn-nghệ Việt - Nam sang trình diễn tại Tokyo hôm 9-9-62 hình như có nói như thế này với người Nhật: « Nước Nhật ăn cơm; nước Nhật Phật-giáo, nên nước Nhật và nước Việt-Nam có thể kết tinh anh em được » Quả là lời nói của con người văn nghệ có khác. Vốn sẵn tinh thần hiếu khách, gặp lời nói thành thật và vô tư ấy, lẽ dĩ nhiên người Nhật đã cho đoàn Văn-nghệ Việt-Nam ấy nhiều thiện cảm. Cũng như Đại-đức Chaman Lal, một người viết nhiều sách về Nhật

(1) Là hai nước từ xưa đã gửi sinh viên đến lưu học ở đây rất nhiều, và đa số các giới lãnh đạo của hai quốc gia này hiện tại đều được đào tạo tại Nhật.

nên các báo Nhật có cảm
tinh là chuyện dĩ nhiên.

Sau 4 tháng du lịch Âu-
châu, Đại-dức Chaman Lal
đã đến Đông-kinh, và trong
lần này, đặc biệt Đại-dức có
mang theo 6000 con voi.
Đây là những con voi trắng
nhỏ làm tại Kerala, một xứ
thuộc miền Nam Ấn-độ. Mục
đích của Đại-dức Chaman Lal
là đem 6000 con voi ấy đến
tặng các trẻ em Nhật. (Nghe
vậy chắc các em Oanh-vũ
G.H.P.T Việt-Nam và các em
Nhi-dồng Phật-Tử Việt-Nam
chắc chắn là mong cho Đại-
dức Chaman Lal đến viếng
Việt-Nam lắm, để Đại-dức
đem tặng các em những con
voi trắng nhỏ của xứ Phật!
Và biết bao giờ các em nhi-
dồng Phật-tử Việt-Nam được
các Đại-dức ngoại quốc tặng
quà nhỉ?)

Sáu ngàn con voi đó, theo
Đại-dức Chaman Lal giải
thích với các báo chí và các
trẻ em Nhật rằng: « Voi là
tượng trưng cho đức Phật »

Vi khi bà Hoàng-Hậu Ma-
Gia sinh đức Phật, trước
đó bà chiêm bao thấy con
voi trắng 6 ngà đi vào hóng
bên hữu và con voi kia
là tượng trưng cho một vị
Thánh-nhân đi vào trong
người của Bà vậy ».

Hiện nay, trong thi-gian
viếng Nhật lần này, Đại-dức
Chaman Lal thích đến nói
chuyện ở các trường học,
thích gặp gỡ các thanh niên.
Đại-dức nói rằng: « Tôi un-
tướng có thể học hỏi thêm
nhiều từ lớp người thanh-
niên ấy ». Theo tôi, sở dĩ
Đại-dức Chaman Lal tuyen
bố như thế, vì trong lần
này khi Đại-dức đến Nhật,
lật ca bao chi ở Tokyo
đang ca ngợi cậu Horie (dọc
theo chữ しろ là Khuất-giang)
19 tuổi, một mình đi một
chiếc thuyền buồm (Boat) qua
biển Thái-bình-dương để đến
San Francisco: ngõ vào Mỹ-
quốc. Cậu Horie đi qua Thái-
bình-dương với thi gian ba

tháng và hiện nay là thượng khách của ông Thị-Trưởng thành phố San Francisco. Dân Mỹ đang hoan nghênh nhiệt liệt cậu Horie, cho cậu là một Kha-luân Bồ thứ hai và nghe dân San Francisco định dựng tượng đồng của cậu này để kỷ niệm. Quả thật con dân của Zen cũng có khác, mạo hiểm cũng chẳng hề chi! Cậu Horie được dân chúng Mỹ mời đi du lịch Mỹ-quốc, mọi phí tổn hình như đều được chính phủ Mỹ đài thọ. Cậu Horie xuất ngoại bất hợp pháp, theo pháp luật sẽ bị tội, nhưng qua các cuộc trưng cầu dân ý của các báo chí ở đây, quốc dân Nhật đã bênh vực cậu Horie — nhất

là thanh niên — vì cậu này đã mang về-vang lại cho nước Nhật-bản. Với một người học thức biết linh động theo chiều hướng quần chúng, Đại-đức Chaman Lal đã tuyên bố những lời trên và lẽ dĩ nhiên Đại-đức Chaman Lal đến lần này được nhiều cảm tình của thanh niên Nhật.

Đọc tin trên, nghĩ đến số phận Phật-giáo Việt-Nam, biết bao giờ nước Việt-Nam chúng ta có một Đại-đức đi du lịch thế-giới, để nối tình thân hữu giữa các nước Phật-giáo với Phật-giáo, giữa các quốc-gia với quốc-gia? Cuộc đời sẽ biến chuyển mãi, chúng ta ngồi chờ thử xem sao?

(Phỏng theo báo The Mainichi daily
News xuất bản ngày 2-9-62 tại Tokyo)
Thích MÃN-GIÁC, Tokyo

LUẬN TÂN DUY THỨC

Sọn giả : THÁI HƯ ĐẠI SƯ

Dịch giả : THÍCH MẬT NGUYỄN

(Tiếp theo)

V. — Luận về chân-lý và thật-tánh của Duy-thức

Khách rằng: Nếu tất cả chỉ do thức-tâm chuyển biến có ra, lia thức-tâm ra ngoài, không có gì là thật có, như vậy, không có chân-lý quyết định và thật-tánh viên - thành lấy chỗ bằng chứng nào để khai thông tín, giải và lập nên hạnh, quả, được tr?

Luận rằng: Nếu ngoài « thức » có thật-pháp cố-dịnh, chấp ngại được, cũng không thể từ cái cố chấp ấy lập nên căn-bản mạnh mẽ về tín, giải, và mức cùng cực của hạnh quả được. Tuy nhiên, luận « Duy-thức » không phải không có chân-lý quyết định và thật-tánh viên-thành, nhưng vì chân-lý và thật-tánh cũng không lia thức, tức là pháp chân-thật « ly-ngôn nội-chứng » về thức-thể, cho nên lý-tánh châu-thật chính là « Duy-thức » vậy.

Khách rằng: Thế nào là chân - lý tức thật - tánh của « Duy-thức »?

Luận rằng: Các pháp về « Duy-thức » trùm hết lý-tánh cộng thông, lược có 3 nghĩa:

1) Vì tâm chấp-trước suy tính cùng khắp, có ra những pháp « ngã » (ta) và « ngã » (sở hữu của ta), tức là nói về nhân-sinh, vũ-trụ v.v...

Đây là do ý-chí tánh-thức (ý-thức) y vào ý-căn-thức (mật-na), ở nơi các thức-thể và các tâm tánh hệ-thuộc chuyển biến hiện ra các tâm-kiến, tâm-tướng; thêm vào đó từng lớp mê chấp mình, người, tâm, vật. v.v... thành ra khắc hoạch phân minh; tuy nhiên thể vẫn là duy các thức - tâm và tâm-kiến, tâm-tướng mà thôi. Những cái chấp trước cùng khắp, chấp trước từng món vật với ta v.v... thật như lông rần sừng ngựa, chỉ có lời nói quyết không có thể-tướng. Cũng như người đau mắt hiện ra hoa đốm giữa hư không, bản lai cứu kính trống lạng không thật thể. Ấy là đều lấy vọng-chấp làm tánh, do vọng-tịnh mà có, chứ đối với chân-lý không có gì cả. Nếu thấu suốt được tánh không thật có của muôn vật, ấy là chân-lý.

2) Nương cậy rất nhiều duyên-lực, hoặc do những tập-khí phân biệt giả dối sanh khởi các thức và các tâm tánh, kiến-phần, tướng - phần, sự vật v. v... hệ thuộc với tập-ô, luân-tịnh, đều như mắt đau với mắt lành, cũng như tâm trong chiêm bao và tâm trong khi tỉnh. Ấy là lấy duyên-khởi làm tánh, đối với vọng-tịnh thì không, với chân-lý thì có; với biến - tướng thì có, với thiệt - tánh thì không. Nếu thấu rõ chỉ bởi thức tâm chuyển biến ra các hình-tướng, ấy là chân-lý.

3) Do tâm không hiển hiện thể chơn - thật viên - mãn thành-tựu các pháp duy-thức, tức là lấy nghĩa chơn-thẳng làm tánh, với vọng-tịnh thì không, với chân-lý thì có; với biến-tướng thì không, với thiệt-tánh thì có, ấy là chân-lý của tánh chơn-thật. Do vọng-tịnh chấp-tánh duyên - khởi thứ 2 làm sanh mạng. Chấp-tánh chơn-thẳng thứ 3 làm pháp-tánh, nếu không hoàn toàn tiêu trừ từng món chấp trước thì chơn-tướng của duyên-khởi, thật-thể của viên-thành không do đâu hiện rõ. Cho nên 3 món này đều phải không-tịch, rốt ráo đều không còn có gì hết mới được. Nghĩa là: 1) Tánh trống không của vật-tướng. 2) Tánh trống không của tự nhiên. 3) Tánh trống không của ngã-thể. Lý-tánh của 3 món trống không đây, đều là xa lìa biến - tướng của

vọng-tính để khai thị thẳng-nghĩa chơn-thật của tánh duy-thức thường như vậy. Cho nên những tánh-lý của các pháp về duy-thức phân loại như sau:

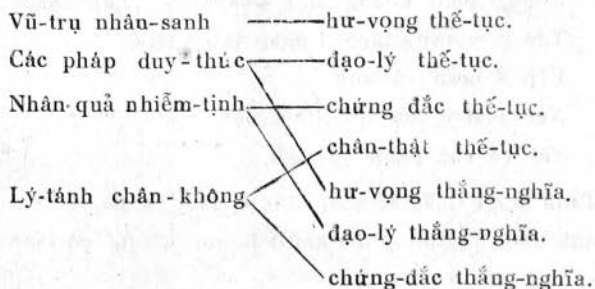
Pháp hư-vọng của duy-thức — tánh vọng-chấp — phải diệt trừ.

Pháp chân-thật của duy-thức — tánh chơn-thẳng — phải khai thông.

Pháp thế-tục của duy-thức — tánh duyên - khởi — phải chuyển thành tịnh.

Pháp thẳng-nghĩa của duy-thức — tánh chơn-thẳng — phải khai thông.

Trong đây nói về pháp hư-vọng thế-tục và chân-thật thẳng-nghĩa, mỗi pháp đều có 4 lớp, phân liệt như sau:



Pháp - giới nhất-thật ----- chân-thật thẳng-nghĩa,

Trong đây, pháp hư-vọng ta cần phải giải phóng, cần phải cãi thiện; pháp đạo-lý cần phải liễu-ngộ, cần phải thông suốt; pháp chứng-đặc, cần phải có tu hành, cần phải thành công. Pháp chân-thật là không dối dối, không dối khác được. Hễ theo được một pháp nào, không pháp nào không như vậy, nhưng pháp nào cũng tôn-chủ « duy-thức-tâm » cả; nắm giữ cho được phương pháp chung này, ta có thể khai thông sức tin hiểu của ta; sự tu hành và kết quả viên-mãn cũng do đó gây dựng nên vậy.

Như lời tụng trong Luận duy-thức nói rằng :

« Do từng món chấp trước cùng khắp,
Chấp trước từng món sự-vật,
Tánh chấp trước cùng khắp ấy,
Từ nó không thật có.
Tự tánh y-tha-khởi,
Nhân-duyên phân-biệt sanh ra,
Tánh viên-thành-thật đối lại,
Thường xa lìa tánh chấp trước,
Nên tánh viên-thành và y-tha,
Như nhau không khác, không đồng,
Như các tánh vô-thường v.v...
Không phải không thấy pháp này, pháp khác.
Tức là nương theo 3 pháp tánh này.
Lập 3 món vô-tánh.
Nên mật-ý của đức Phật dạy :
Tất cả các pháp vô-tánh.

« Tánh thứ 1 (biển-kế-chấp) tức là tánh y-tha,

Tánh thứ 2 (tánh y-tha-khởi) là nói không có tánh tự nhiên.

Tánh thứ 3 (viên-thành-thật) là nói xa lìa tánh chấp trước.

Là tánh chấp-ngã và chấp-pháp.

Tánh thẳng-nghĩa của các pháp,

Tức là tánh chân-như,

Thường được in như tánh ấy,

Tức là tánh chân-thật của Duy-thức.

(còn 1 kỳ nữa)

Uyên - Nguyễn

Ai nắm chặt bàn tay
Một lần không vơi trã
Biết lý chưa biết những ngày
Nỗi niềm muối mật riêng tây.

Ai xuôi ngược đó đây
Lẽ gót mòn khắp khềnh
Đoàn viên chưa tụ một ngày
Men đời chưa chuốc ngắt ngày
Xa xa gờn gợn, bóng chuỗi ngày êm ả.

Ai tin người sắt đá
Chưa hề biết chùn tay
Nghe nao nao tắc đả
Lương tâm tự vẫn những ngày...

Vàng rơi một chiếc lá
Hay giông đời tàn tạ hoang mang
Giữa trăng ngàn băng giá!

Mắt nghi ngờ xa lạ
Mí chớp lại... quen quen
Nhịp bước tim rộn rã
Chắc gì đâu mà dám bảo đã quên
Ốc chi mà dám nói với vũng bèo
Một khúc say biển lòng ngâm dấy sóng
Xuôi theo giông ảo vọng để làm chi
Ồi trăm năm quanh quẩn một chu kỳ
Sinh... lão... quyền mãi vòng si tục lụy.

của

Từ-

Xác lia trần, phải chăng sinh là kỹ
Hồn trung trinh vạn kỷ tự quy về
Nếu sơ nguyên mang lưới Nghiệp đa mê
Càng muốn loài xin thề nguyên chuộc tội
Ánh Đạo-Vàng soi tận lòng đen tối
Cho tình đời sáng dội đức Từ-Bi
Qua không gian nhân-loại biết những gì
Ngược thời gian tìm Uyên-Nguyễn sinh tử.

Quang

Kiếp nhân sinh, du thuyền nơi viễn xứ
Dat về đâu giông lịch-sử đau thương
Thăng trầm mấy nhịp đoạn trường!

HSUAN TSANG, THE PILGRIM AND THE SCHOLAR

(*Huyền-Trang, nhà chiêm bái và học-giả*)

ĐÂY là một quyển sách mà của tôi mới viết xong, hoàn toàn bằng tiếng Anh, dày hơn 150 trang. Sách này viết mục đích giới thiệu Ngài Huyền-Trang, những đức tánh của Ngài, cuộc chiêm bái vĩ đại của Ngài và những công trình sáng tác của Ngài. Quyển sách này gồm có những chương như sau:

I. — Tác phong và nhân cách của Ngài Huyền-Trang.

Chương này nói đến dáng mạo, cử chỉ, tánh tình cao thượng, sự gìn giữ giới luật, sự bố thí, lòng tin tưởng, chí cương quyết mãnh liệt, sự thần nhiên của Ngài đối với tai nạn và trước cái chết, sự khao khát tìm hiểu tinh diệu của Ngài Huyền-Trang.

II. — Huyền-Trang, nhà chiêm bái.

Chương này tả cuộc hành trình của Ngài Huyền-Trang từ Trường-An qua các Trung-Âu đến Ấn-độ, cuộc du hành của Ngài qua các nước ở Ấn-độ, con đường về của Ngài và sự đón tiếp của Triều-đình và dân chúng Trung-hoa đối với Ngài. Các nước Ngài đi qua, các nơi gian truân nguy hiểm đã gặp đều được tả đến rõ ràng.

III. — Huyền-Trang, nhà học giả

Chương này tả những chỗ Ngài đã học Phật pháp tại Trung-hoa và trong cuộc hành trình của Ngài. Những nước,

những chùa Ngài đã dừng lại, thời gian lưu trú, những kinh điển đã học và những giáo sư của Ngài đều được ghi rõ trong chương này.

IV. — Huyền - Trang, nhà thuyết pháp.

Chương này kể lại những chỗ nào Ngài đã thuyết pháp khi ở Trung-hoa và trên con đường chiêm bái của Ngài, những vấn-đề Ngài giảng và ảnh-hưởng các cuộc thuyết pháp ấy.

V. — Huyền - Trang, nhà biện luận.

Trong cuộc chiêm bái, Ngài đã phải đương đầu với ngoại đạo, các nhà sư Tiểu-thừa, một vài nhà Đại-thừa để tìm hiểu chân-lý và biện luận hư thực. Chương này chép rõ các cuộc biện luận ấy và sự thắng trận vẻ vang của Ngài trong các cuộc biện luận.

VI. — Huyền - Trang, nhà dịch giả

Những dịch phẩm của Ngài đều được ghi chép đầy đủ trong chương này, công phu dịch thuật của Ngài, giá trị các dịch phẩm, sự phân loại các dịch phẩm. Và tư tưởng hệ của Ngài Huyền-Trang qua các dịch phẩm. Pháp sư Trí-Quang Huệ có giúp tôi nhiều tài-liệu quý báu để viết về phân loại các dịch phẩm và tư-tưởng hệ của Ngài Huyền-Trang trong chương này.

VII. — Huyền - Trang, nhà tác giả.

Chương này nói đến nhiều về quyền Tây-du-ký của Ngài, ghi rõ các nước, các xứ Ngài đã nói đến, trình bày những vấn đề mà Ngài đã đề cập đến và sự đóng góp của Ngài vào kho tàng văn hóa Phật-giáo.

VIII. — Huyền - Trang, nhà thần bí.

Chương trình này tả đức tin nhiệt thành của Ngài đối với các Phật tích và đối với kinh chú, các mẫu chuyện kỳ

dị thần biến trong đời Ngài và ảnh-hưởng của mộng寐, đến các hành động quan trọng ở đời Ngài.

Những ngày cuối cùng của Ngài Huyền-Trang và sự từ trần của Ngài.

Chương này tả rõ những ngày cuối cùng của Ngài Huyền-Trang, những công việc Ngài làm trước khi Ngài mất, tâm niệm bình tĩnh và sự hồi hướng công đức của Ngài, phút lâm chung và sự miễn tiếc của Triều-đình và dân chúng và tang lễ của Ngài.

Chắc có một vài Phật-tử Việt-Nam hỏi tại sao tôi không viết bằng tiếng Việt mà lại viết bằng tiếng Anh. Tôi nghĩ nay tôi phải chuyên môn viết tiếng Anh để nước Việt-Nam dự phần đóng góp vào phần Phát-giáo văn-hóa quốc-tế. Có chuyên môn mới giỏi được, nhất là phần nghiên cứu học hỏi của mình nhờ tự lực rất nhiều. Lại tiếng Anh nay đã trở thành tiếng Quốc-tế, như vậy các tác-phẩm bằng tiếng Anh mới được phổ thông khắp thế-giới, và lại sau này muốn dịch qua Việt văn cũng chẳng khó gì. Điều tôi ân hận là ba tác-phẩm của tôi đã viết ra, chưa tác-phẩm nào được in, chỉ vì vấn-đề tài-chánh. Không phải là tự hào, tôi có thể nói là ba tác-phẩm của tôi. « Sự so sánh Trung-A-Hàm với Pali majjhime Nikāya », sự so sánh quyền Na-Tiên Tỳ-kheo kinh với Pāli Nulindapanha và quyền « Ngài Huyền - Trang, nhà chiêm bái và nhà học giả » rất có thể có giá trị quốc-tế, và có thể đóng góp một phần vào văn hóa Phật-giáo quốc-tế, nếu các tác-phẩm này được in ra. Tôi mong rằng các Phật-tử, các hội Phật-học, các cơ quan Tăng-già Phật-học-viện v.v... ở Việt-Nam, đóng góp ý-kiến và giúp đỡ cho tôi được in các tác-phẩm ấy.

Nalanda, ngày 13 tháng 11 năm 1962
Thích Minh-Châu

P. O. Nalanda, Patna District
BIHAR (INDIA)

Lược khảo các
Tôn-phái trong
Phật-giáo

PHÁP TƯỞNG TÔN

(DHARMA LA KSANA)

(Tiếp theo)

B. — TÂM SỞ PHÁP

Tâm sở pháp chia làm 6 loại: Biến hành, Biệt-cảnh, Thiện, Phiền não, Tùy phiền não, và Bất định, gồm tất cả 51 pháp.

1. — *Biến hành tâm sở* : Gọi là biến hành vì các tâm sở này có thể tương ứng với tất cả mọi tâm vương mỗi khi đầy động. Có năm tâm sở :

— Tác ý : Tâm niệm đầy động khiến phát sinh các tâm sở khác.

— Xúc : Sự va chạm gặp gỡ đầu tiên của tâm đối với cảnh.

— Thọ : Cảm thọ khổ, vui hay dừng đứng.

— Tưởng : Thâu nhận đối cảnh, khiến các tâm sở khác cùng hoạt động nhận thức đối tượng.

— Tư : Đây là động lực dẫn khởi các hạnh thiện, ác hoặc vô ký.

2. — *Biệt cảnh tâm sở* : Các tâm sở này chỉ duyên những cảnh riêng biệt. Có năm tâm sở :

— Dục : ý muốn thật hành một việc gì, nó là căn bản cho hành động.

— Thắng-giải : Quan sát tỏ tường sự thiện, ác.

— Niệm : Ghi nhớ những kinh nghiệm đã qua, làm nền tảng cho định.

— Định : Chú tâm vào một pháp, nhờ đó đem lại kết quả trí tuệ.

— Huệ: Trí lực nhận rõ pháp thiện hay bất thiện một cách đúng đắn.

Biên-hành và biệt-cảnh cộng lại là 10 tâm - sở, tức Thập-đại-địa-Pháp lên Câu-Xá-Tôn.

3. — *Thiện tâm sở*: Các tâm sở tương ưng với những pháp lành, thanh tịnh. Có 11.

Tín: Tín, gạt lọc các pháp bất tịnh, nhiễm ô. Chữ tín vốn ở chữ Sraddha có một nghĩa rộng và quan trọng. Nó thành lập trên nền tảng nhận thức chân-lý vũ-trụ, nó cũng là tâm niệm kính ngưỡng phù hợp với một cá tính hay giáo - lý nào, đồng thời nó là lòng mong ước thật hành và chứng ngộ các nguyên tắc đạo đức và sự phát triển lý trí.

— Tấn: Siêng năng, đầy thuộc về phương diện thanh tịnh. Nó là động lực thúc đẩy việc hướng thiện.

— Tâm: Tự xấu hổ khi kiểm điểm lại mình thấy sai lệch nẻo chánh.

— Quý: Xấu hổ với kẻ khác khi thấy những việc hay đẹp của mình chẳng kịp người.

— Vô tham: Không tham đắm, nhờ đó thoát ra ngoài sự triền phược.

— Vô sân: Không giận dữ, nhờ đó không làm tổn hại hữu tình vô tình, phát khởi lòng từ bi.

— Vô si: Không mê lầm, nhờ đó nhận được lẽ đúng sự thiện, phát triển trí tuệ.

— Khinh an: Là nhẹ nhàng khoan khoái. Đây là điều kiện thuận lợi để đưa ta vào định cảnh.

— Bất phóng dật: Không phóng dăng, buông lung; dè dặt chế ngự sự tham dục.

— Hành xả: Tâm trạng cân bằng, không chấp nê - khư khư theo một thành kiến (lối bay xấu) nào. Phóng dật và hành xả sự thực không phải độc lập ngoài nhau. Chúng là kết quả của Tấn, vô tham và vô si hợp lại.

— Bất hại: Không tổn hại. Nó cũng không phải tâm sở độc lập mà là kết quả của vô sân.

Mười một thiện tâm sở này đối chiếu với Câu-Xá-Tôn tức là Đại-thiện-địa-Pháp. Bên Câu-Xá-Tôn chỉ có 10 vi nhập vô si vào huệ tâm sở. Ở đây tách riêng vô si mà thêm vào tâm sở thiện.

4. — *Căn bản phiền não*: Đây là các tâm sở ác khiến ta rối loạn, các tâm sở này làm cơ sở phát sinh các tâm sở ác khác nên gọi là căn bản. Có 6:

— Tham: Tham đắm dục lạc.

— Sân: Giận dữ, đưa đến những hành động hung bạo vô trí.

— Si: Khiến ta ngu muội thiếu trí.

— Mạn: Kiêu ngạo khinh khi.

— Nghi: Do dự hoài nghi.

— Ác kiến: Những tư tưởng sai lầm do kiến chấp. Có 5 hình thức của Ác-kiến là Thân-kiến, Biệt-kiến, Tà-kiến, Kiến-thủ⁴ và Giới - Cấm - Thủ (đã giải thích ở Câu-Xá - Tôn).

— Điều cần chú ý những hình thức của phiền não tâm sở nói riêng hay tất cả những danh từ dùng để biểu diễn trạng thái tâm thức của Pháp-tướng học bao giờ ta cũng phải xét kỹ về phần Thô (biểu lộ rõ ràng dễ nhận) và về phần Tế (tế nhị, trái với thô), đừng thấy một vài danh từ giống danh từ tâm lý học mà cho rằng ý nghĩa nó cũng chỉ có thế.

5. — *Tùy phiền não*: Cũng gọi là Tùy-hoặc, phát xuất từ căn bản phiền não nên gọi là Tùy phiền não. Có 20:

— Phẫn: Sự giận dữ phát hiện ra ngoài.

— Hận: Cấm giận ngầm ngấm.

— Não: Sầu muộn.

Ba tâm lý trên là hình tướng sai biệt của sân, thực cũng không phải tâm lý độc lập.

— Phú: Che đậy thói xấu, điều lỗi.

— Siêm: Nịnh hót cầu lợi.

— Cường: Lừa gạt.

Ba tâm lý này là hình thức khác của Tham và Si.

— Kiêu: Cho mình hơn kẻ khác.

— Hại: Làm tổn hại người.

— Tật: Ganh ghét kẻ hơn mình.

Hai phiền não trên là trạng thái khác của Sân.

— Xan: Hà tiện, bõn sẻn, keo kiệt.

— Vô tầm: Không biết tự hổ thẹn, trái với Tàm.

— Vô qui: Không biết xấu hổ với người, trái với Qui.

— Giải đãi: lười biếng, trái với Tấn.

— Bất tín: nghi ngờ, trái với Tín.

— Hòn trầm: u độn, không lanh lợi.

— Trạo cử: Thô tháo, không yên.

— Thất niệm: trái với Niệm.

— Bất chánh tri: hiểu sai lầm.

— Tán loạn: Tâm trí không định tĩnh.

— Phóng dật: buông lung, phóng túng.

6) *Bất định tâm sở*: Những tâm-sở chung cho cả thiện, ác hoặc vô ký, không nhất định thuộc loại nào. Có 4:

— Hối: Theo tiếng Phạn, Kaukritya nghĩa chính là hành động ác, vì thế còn gọi là Ác-tác. Tuy nhiên nó còn có nghĩa khác nữa mà sau này dùng quen, trở lại thông dụng hơn nghĩa chính. Đây chỉ cho sự hối hận ăn năn. Vậy hối hận có thể là ăn năn việc thiện, hoặc bất thiện hoặc vô ký mà mình đã làm.

— Miên: Chỉ cho trạng thái mê ngủ, lơ đãng, không cảm nhận những đối cảnh tiếp xúc ở tâm ta. Tâm sở này phát sinh khi thức thứ sáu hoạt động một mình.

— Tâm: Phán đoán. Tâm sở này hoạt động khi ta cố gắng tạo ra những ý tưởng về đối tượng mà thức thứ 6 tiếp xúc.

— Từ: Sự phán đoán thâm nhập; kỹ càng và tinh tế hơn.

C.— SẮC PHÁP

Sắc pháp là hoạt động của thức phát lộ ra bởi các giác quan và đối tượng của nó. Cũng như Câu-xá-tôn, tôn này chia ra có 11 sắc pháp. Có điều khác là Câu-xá-tôn chia 5 căn, 5 trần và vô biểu sắc; đây chia ra 5 căn và 6 trần. Vô biểu sắc của Câu-xá-tôn tức là trần thứ sáu của tôn này gọi là Pháp trần (dharmayatana) hay Pháp xứ sở nhiếp sắc. Pháp-trần này có 5 hình thái:

1. Cực lược sắc: nguyên tử, cực vi của sự vật.

2. Cực hành sắc: phần tử rất vi tế và trừu tượng, tỉ như những bụi phát quang của ánh sáng.

3. Thọ sở dẫn sắc: giống như Câu-xá-tôn gọi là vô biểu sắc. Tỉ như khi thọ giới, tự ta không cảm được nhưng có một lực lượng vô hình khiến bỏ dũ làm lành, theo giới luật.

4. Định sở sanh sắc: đây là đối tượng độc lập của thức thứ sáu, phát sinh khi định tâm.

5. Biến kế sở khởi sắc: sắc giả dối, ảo tượng do sự phân biệt hay tưởng tượng sai lầm của thức thứ sáu hiện ra. Tỉ như lông rùa, sừng thỏ, hoa đốm giữa hư không v.v.

D.— TÂM BẤT TƯƠNG ƯNG HÀNH PHÁP

Trong danh từ bất tương ưng hành pháp (Viprayukta-*(anskara-dharma)*) gồm cả phi tâm (Non-citta) và phi sắc (non-rupa), không thuộc về vật chất cũng như tinh thần. Pháp này đã giải nghĩa ở Câu-xá-tôn, nhưng ở Câu-xá chỉ có 14 pháp, tôn này thêm 10 pháp nữa thành có 24 pháp. Mười bốn pháp trước giống như Câu-xá, chỉ khác danh từ Phi-đãi (Aprapti) đổi ra là Dị sanh tánh (Pritbagjati). Nhân tiện đây cũng xin giải luôn tất cả.

1. Đắc (Prapti): Được. Tức là sự thành tựu. Pháp này có năng lực tạo ra những đối tượng hữu tình hay vô tình,

Theo Duy-thức phái (Vijñānavādins) thì cho rằng do động lực của pháp này làm xuất hiện thế giới hữu tình vô tình với muôn vạn sai biệt. Hữu bộ (Sarvāstivādin) công nhận pháp này là thực thể, còn phái Du-già (Yogācaras) lại chủ trương đó là sự phát lộ có tính cách tạm thời của năng động lực do chủng-tử trong A-lại-da thức.

2. Mạng căn (Jīvitendriya): Thân mạng và năng-lực của kiếp sống. Mạng căn này duy trì kiếp sống trong thời gian con người ở trên đời.

3. Chủng đồng phận (Nikāya-sabbhaga): Sự tương tự giống nhau. Tỉ dụ có hai người ngẫu nhiên giống nhau về hình dáng hay tâm tính. Tôn này và tôn Câu-xá đều chủ trương rằng sở dĩ có hiện tượng ấy là vì có sự tồn tại của pháp này. Chỉ khác nhau ở chỗ Câu-xá-tôn cho pháp này là thực tại độc lập, còn tôn này chủ trương chỉ là sự biểu hiện nhất thời của A-lại-da thức.

4. Dị sanh tánh (Prithagjati): Tánh chất đặc biệt của người diệt trừ phiền não chủng tử của A-lại-da thức vào Niết-bàn.

5. Vô tướng định (Asañña-samāpatti): Trình độ này thì nhờ thiền-định mà đạt được sự tĩnh lặng của tư tưởng. Đây mới là giai đoạn đầu, các chủng tử lặng yên trong A-lại-da thức, tạm thời không hoạt động.

6. Diệt tận định (Nirodha-samāpatti): Đây là trình độ của quả A-na-hàm (Anāgāmi). Các chủng tử tiềm phục trong A-lại-da.

7. Vô tướng quả (Asaññikam): Kết quả của vô tướng định.

8. Danh thân (Nāmakāya): Âm thanh diễn tả tính chất của sự vật. Tỉ dụ: nhà, người, cây, núi v.v...

9. Văn thân (Vyanjanakāya): Chỉ cho âm thanh không trọn nghĩa. Tỉ như những nguyên âm, phụ âm của mẫu tự La-tinh.

10. Cú thân (Padakāya): Chỉ cho ý nghĩa của một câu diễn tả trọn được tư tưởng.

11. Sanh (Jati): trạng thái phát nguyên của vạn vật hữu tình và vô tình.

12. Lão (Jara): Cùng danh từ Jara, bên Câu-xá gọi là Diệt, đây là thời kỳ bại hoại của thân xác và tinh thần đồng nghĩa nhau.

13. Trụ (Sthiti): Trạng thái liên tục tồn tại trong chỗ lạt của vật chất và tinh thần.

14. Vô thường (Anityata): Anityata, bên Câu-xá gọi là Diệt, đây là trạng thái tiêu hoại của vật chất và tinh thần, đồng nghĩa nhau.

15. Lưu chuyển (Pravriti): Trạng thái của giòng tâm thức và nguồn sống vật chất liên tục nối tiếp theo luật nhân quả.

16. Định dị (Evambhagiya): Như quả thiện ác không sai lầm, là luật chung của vạn vật vô tình và hữu-tình.

17. Tương-trung (Pratyudandha): mỗi liên lạc nhân quả.

18. Thế tốc (Javayan); Sự vô thường biến dịch rất nhanh chóng.

19. Thứ đệ (Anukrama): Sự sanh diệt trước sau theo thứ lớp.

20. Phương (Desa) Không-gian phương hướng.

21. Thời (Kala): Thời-gian.

22. Số (Samkhya): hệ-thống giả định để đo lường, tính toán.

23. Hòa-hiệp (Samagri): Sự hòa hợp của các pháp.

24. Mạng tính (Bheda): trạng-thái riêng biệt của mỗi sự vật trong vũ-trụ.

Hai mươi bốn pháp trên đây, tôn này chủ trương do chỉ thức thứ sáu nhận biết được mà thôi và nó không độc lập tồn tại.

E.— VÔ VI PHÁP

Vô vi pháp là chỉ cho bản thể không sanh diệt của các pháp. Vì thế còn gọi là Pháp-tánh, cũng gọi là Chơn-như, Vô vi pháp có 6 loại:

1. *Hư không vô vi* (Akasa-asamkrita). Đây là cảnh tượng của thế-giới thực thể không biến dịch, thời-gian không làm hạn cuộc, không-gian không làm chướng-ngại ví dụ

như tánh chất của Hư-không nên gọi là Hư-không vô vi. Chữ Hư-không ở đây khác nghĩa với Hư-không (vide) theo nghĩa thông thường. (Đã giải thích ở Câu-xá-tôn)

2. *Trạch diệt vô vi* (Pratisamkhyā-nirodha-asamskṛita). Đây là pháp đoạn trừ tất cả phiền não (Kléśas) bằng trí tuệ sáng suốt. Là cảnh giới thanh tịnh sáng suốt được thực hiện bởi vô lậu trí tuệ (Anasravajana).

3. *Phi trạch diệt vô vi* (Apratisamkhyā-mirodha-asamskṛita). Đây là sự đoạn trừ không phải là đoạn trừ vi vô lậu trí tuệ. Bởi vi đặc tính, hay nói đúng hơn là bản tính vô vi vốn thanh tịnh không cần một sự can thiệp nào.

Ba pháp, này đồng với Câu-xá-tôn và đã được giải thích, xin xem lại các thí dụ.

4. *Bất động vô vi* (Acala-asamskṛita). Chữ bất động (Acalā) có khi cũng dịch là vô ký (Upekṣā) vì không còn nhiệm sự khổ lạc. Người ta đạt được trạng thái này khi xa lìa mọi sự khổ đau hay sung sướng như cảnh giới Tứ-thiền. Ngài Hộ-Pháp (Dharmapala) nói: Không còn cảm thọ khổ vui nữa gọi là Acala.

5.— *Tướng thọ diệt vô-vi* (Sanjna-Vedana-asamskṛita). Đây là trạng thái tịch diệt khi Tướng (sanjna) và Thọ (vedana) không còn hoạt động nữa, lúc ấy thể chơn-như hiện ra.

Năm pháp vừa kể trên không phải độc lập, chúng chỉ là những pháp dựa vào chơn-như mà thành lập theo thứ bậc của mỗi trạng thái và tính chất khác của chúng. Ngài Hộ-Pháp nói: «Năm danh từ trên chỉ là danh từ giả lập cho các phát triển của thực thể».

6.— *Chân-như vô vi* (Tathata-asamskṛita): Tathata bao gồm các nghĩa: chân-như, như-thị thực-thể, thật-tánh của vạn-hữu vũ-trụ. Ngài Thế-Thân nói: «Chân-như vô-vi là thật-tánh siêu việt của vạn-vật. Gọi là Chân-như vì thật-tánh ấy là thật, là như như bất biến, là trường tồn mà ta không thể dùng lời nói để diễn tả được». Ngài Hộ-Pháp cũng bảo rằng chân-như chỉ là danh từ giả lập tương đối với tục-đề để nói mà thôi. Ngài Vô-Trước (Asanga) nói: «Không thể gọi Chân-như vô-vi là hữu hay phi-hữu, như hay phi như».

Nó không sanh không diệt, không thêm không bớt, không như không sạch, đó là Tinh (Laksana) của Châu-như vô-vi ».

Xin tóm tắt 100 pháp theo lược đồ sau đây :

Tâm pháp 8 { nhân-thức, nhĩ-thức, tỷ-thức, thiệt-thức, thân-thức, ý-thức, mạng-na-thức và a-lại-da-thức.

Biển hành 5 : Tác ý, xúc, thọ, tưởng tư.
Biển cảnh : 5 Dục, thăng-giải, niệm, định, huệ.

Thiền 11 { Tín, tấn, tâm, quý, vô tham, vô sân, vô si, khinh an, bất phóng dật, hành xả, bất hại.

Tâm sở-hữu pháp 51 { *Phiền não* 6 : Tham, sân, si, mạn, nghi, ác-kiến.

Tùy phiền não 20 { Phẫn, hận, phú, não, tật, xan, cuống, siểm, hại, kiêu, vô tâm, vô quý, trạo cử, hôn trầm, bất tín, giải đãi, phóng dật, thất niệm, tán loạn, bất chánh tri.

Bất định 4 : Hối, miên, tầm, từ.

Sắc pháp 11 { Nhân-căn, nhĩ-căn, tỷ-căn, thiệt-căn, thân-căn, sắc-trần, thanh-trần, hương-trần, vị-trần, xúc-trần, pháp-trần.

Tâm bất tương ưng hành pháp 24 { Đắc, mạng-căn, chúng đồng phần, dị sanh tánh, vô tướng định, diệt tận định, vô tướng quả, danh thân, văn thân, ái thân, sanh, lão, trụ, vô thường, lưu chuyển, định dị, tương ưng, thế tức, thú đệ, phương, thời, số, hòa, mạng tính.

Vô vi pháp 6 { Hư không vô vi, trạch diệt vô vi, phi trạch diệt vô vi, bất động vô vi, tướng thọ diệt vô vi, chân như vô vi.

**100
PHÁP**

B.— CHỨNG TỬ

Chứng-tử (Vija) là những hạt giống chất chứa trong A-lại-da thức có công-năng phát sinh ra quả. Khi hạt giống ấy phát sanh ra quả gọi là chứng-tử khởi hiện-hành. Có hai loại chứng-tử:

1.— *Bản-hữu chứng-tử*, cũng gọi là Tiền chứng-tử là những chứng-tử có sẵn từ vô-thỉ. Bởi vì A-lại-da thức vốn có công-năng sanh ra uẩn, xứ, giới (xem giải nghĩa uẩn xứ giới ở Câu-xá-tôn) cho nên trong kinh thường gọi là bản-tánh trụ chủng.

2.— *Tân-huân chứng-tử*, cũng gọi hậu chứng-tử là những chứng-tử mới huân-tập trong mỗi đời. Bởi vì từ vô-thỉ đến giờ bấy chuyển thức luôn hoạt-động, sự hoạt-động ấy huân tập thêm chứng-tử vào A-lại-da, cho nên loại chứng-tử này cũng gọi là sở thành-chủng. Chứng-tử, về tính-chất, có thể chia làm hai loại: chứng-tử vô-lậu là chứng-tử tịnh, có công-năng chứng Thành-đạo; và chứng-tử hữu-lậu là chứng-tử nhiễm xung đối với chứng-tử vô-lậu.

C.— VÒNG TƯƠNG QUAN GIỮA

CHỨNG-TỬ VÀ HIỆN-HÀNH

Các chứng-tử tàng trữ trong A-lại-da thức khi gặp duyên thì hiện ra, gọi là chứng-tử sanh hiện-hành. Trong giai-đoạn này thì chứng-tử là năng-động còn hiện hành ở bấy thức là bị-động, chứng-tử là nhưn năng sanh, hiện hành là quả sở-sanh.

Khi bấy thức khởi hiện-hành thì sự hiện-hành lại có công-năng huân tập thành chứng-tử vào A-lại-da thức. Trong giai-đoạn này thì sự hiện-hành của bấy thức trước là nhưn năng-huân còn chứng-tử là quả sở-huân.

Năng và sở tương-tục đắp đổi nhau trong vòng nhân quả mà hình thành và tồn tại thế-giới vạn-hữu. Hiện tượng năng và sở ấy ví như ngọn lửa, và tìm đèn. Ngọn lửa đốt tìm đèn, tìm đèn phát ra ngọn lửa, rồi ngọn lửa lại đốt cháy tìm đèn và... cứ như thế đắp đổi nhau duy trì sự tồn tại của hiện-tượng ấy.

D.— BỐN PHẦN

Tôn này chủ-trương thức có 4 phần hoạt động:

1.— *Tướng-phần* (Laksanatvam): đối-tượng khách quan tức cảnh sở-duyên của thức. Nên chú ý, dù là cảnh sở duyên, hay ta gọi tạm là khách quan đối tượng, kỳ thật nó cũng là một phần của thức. Đó là điểm cốt-yếu của tôn này không nên lãng quên.

Tướng-phần nói chung là đối tượng của thức. Như nằm thức trước thì lấy nằm cảnh làm tướng phần. Pháp cảnh là tướng-phần của ý thức; kiến-phần đệ bát thức là tướng-phần của Mặt-na thức; các chủng-lũ căn thân khí-gió là tướng phần của A-lại-da thức.

2.— *Kiến - phần* (Dristivam): Tác dụng chủ quan năng-duyên của thức.

3.— *Tự chứng-phần* (Svasakshitvam): Kiểm soát lại sự nhận xét của kiến - phần. Đây là giai đoạn phân tích xem đúng hay sai của tác dụng năng-duyên ở trên.

4.— *Chứng-tự chứng-phần* (Sakshisvasakshitvam): Chứng minh lần cuối cùng để xác nhận cái đã kiểm soát của phần thứ ba. Hai phần sau, nương tựa lẫn nhau để kiểm chứng, chúng hoạt động liên tục để xác nhận những điều trước. Vì mối liên quan và toàn bị ấy nên không thể lập ra phần thứ năm, phần thứ sáu v.v...

Tỷ dụ : khi ta thấy cái hoa, hình ảnh cái hoa hiện trong tri ta, Hình ảnh đó là tướng phần: ta thấy biết cái hoa ấy là kiến phần; ta nhận thức rằng sự thấy biết cái hoa ấy là đúng, đó là tự chứng phần; sự kiểm soát đi vào một tầng nữa ta xác nhận quả đúng là cái hoa chứ không phải là cái gì khác, không phải là giấy màu v.v... chứng minh cho sự nhận thức của ta về cái thấy biết ấy quả là đúng, đó là chứng tự chứng phần.

Ta dùng lời mà diễn ra thì thấy có dài dòng chậm chạp. Thật ra khi thức phát khởi tác dụng, biểu hiện tượng ấy xuất phát rất nhanh chóng và khi hoàn bị một nhận thức nào, hiện tượng tâm lý đều qua đủ bốn giai đoạn ấy,

(Còn nữa)

HÃNG BẢO - VẤN

76 NGUYỄN TRI-PHƯƠNG — Đà-nẵng

Điện thoại số: 116 — Hộp thư số: 73

ĐẠI-LÝ CÁC LOẠI: Xe hơi, Vespa, Velosolex.

CHUYÊN BÁN: Phụ tùng vỏ ruột về xe hơi,

GA-RA: Sửa chữa máy móc, Vận tải công cộng

Vị trai lá BỒ - ĐỀ

Ngoài bồ, hợp vệ-sinh. Dùng VỊ-TRAI LÁ BỒ-ĐỀ là ứng hộ Phật-sự chung.

HƯƠNG BỒ-ĐỀ thơm tinh khiết, thích hợp sự cúng-dường.

Tieu thụ HƯƠNG BỒ-ĐỀ là giúp đỡ cho Phật-sự chung.

Sản xuất tại 71, đường Lam-sơn gần chùa Từ-Đàm Huế

XUỐNG TÓC

* CỦA NGUYỄN-THÁI

Tặng Phương

NHỮNG con suối nhỏ đổ dồn về sông. Những giòng sông vào dần trong mệnh môn của biển cả. Và mây biển tỏa lòng ra không gian xanh xa. Tất thảy đó gọi ở lòng tôi sự nhịp nhàng xinh xắn của cảnh sắc đất đai. Cũng như khi nhìn mớ tóc xanh em gái, lòng dậy lên niềm băng khuâng lưu luyến. Một vài khi là tình yêu. Lắm khi là sự đưa lòng lên cao dần trên những niềm đẹp mang đầy chân thiện.

Những thi-sĩ của chúng ta ca tuổi tóc dài, ca ngợi đôi mắt em, đôi môi em... không ca riêng cho một người nào. Ca riêng cho một vẻ đẹp. Người nghe hát, lòng thấy dạt dào, thấy yêu đời hơn qua một hình bóng trừu tượng.

Nhưng những tiếng ồn trong

tâm hồn. Những tiếng ồn của bốn bề chung quanh hải hùng ghê rợn đã chen lấn vào làm mờ võ giác mơ... Đôi mắt em xưa là cửa mở của lòng, tóc mướt xưa kia là suối mát của rừng yêu, nay chỉ còn là chiếc ảnh cũ vàng hoen ố, phải quên đi để chống chọi với mọi thực tế nghiệt ngã phũ phàng.

Lớp trai này theo lớp trai kia đều qua cùng một lối mòn quen thuộc, mang trong lòng bao nhiêu đồ vỡ vỡ dang. Và những bước chân nặng nề này, một ngày kia sẽ trở thành mây khói. Tuy nhiên vẫn có những tiếng gào thét chống kháng. Chống kháng bằng hai cách: sự vùng dậy ồn ào trong cơn giận, sự múa dao vài trăm hiệp, rồi đầu cũng vào đấy như nổi nước sôi khi lửa thiếu. Giải thoát cho mình; hả giận, Giải

thoát cho người: chốc lát. Cuộc đời lại bình thản nén dè các búp nụ của trẻ nít đang lên...

Sự chống kháng thứ hai là sự chống kháng âm thầm mà cương quyết. Không chống kháng với bên ngoài mà chống kháng với chính lòng mình. Bởi bên ngoài là sự phản ảnh của những tâm hồn thực sống tạo nên. Như trái chín trên cành chua hay ngọt nhờ ở rễ và phân bón, quyết không chờ người mang màu lên tô điểm cho sắc trái.

Ý nghĩ này đến trong tôi như một tiếng cười chạy dài qua tâm hồn, tựa ngọn gió xuân phớt đầu cành cho lá múa.

Xuống tóc,

Hình ảnh đẹp như một ánh đèn soạt hừng lên đêm dài, không phải tinh tú lao mình vào thâm thẳm. Mớ tóc cắt đi. Giòng nước bạc đổ tự sườn cao vào thung lũng tối. Mớ tóc cắt đi. Sự chống kháng đã đến thời quyết liệt.

Ngày xưa nói là đi tu trong

ý niệm chán chường, khổ não. Ngày nay mới hiểu đó là cuộc tái sinh. Đó là người cách-mạng can trường hơn hết, một thứ cách-mạng nhân đạo và đầy hiểu biết. Không phải là cái ò ạt của sự đâm bị thóc, thọc bị gạo. Người vừa xuống tóc từ bỏ hết mọi sự dũ ở đời. Mọi sự đã bao thời làm điên đảo, dày xéo con người: Tiền tài, danh vọng và cái tráo trở của bất nhân.

Từ chối hết thảy dề làm lại cuộc đời trong trật tự và tình thương, không sát hại thù hiềm, không dành dặt miếng sống của kẻ khác. Chia sẻ của mình với mọi kẻ chung quanh. Giao cảm với mọi người và học hỏi cho thân mình. Phải chăng đó không là mục đích, lý tưởng của bao nhiêu cuộc cách-mạng?

Giặc-giả tranh-chấp của bọn người giàu có, vương-giả xưa kia đã đổ đá chôn vùi bao nhiêu lớp người cùng đinh Paria ở Ấn-Độ. Thời ấy một cuộc cách-mạng lớn lao vùng lên chống kháng sự đồ đá

này. Một mặt cứu hạng cùng đing ra khỏi sự khinh rẻ và bần hàn. Một mặt cứu luôn cả những kẻ xấu đá: bọn nhà giàu và vương-giả kia. Đó là một cuộc cách-mạng toàn diện, Người cầm đầu cuộc cách-mạng này là Tất-Đạt-Đa. Một vị Phật đã thành. Một vị Phật không lên ngai vàng thần thánh, vì luôn ở sát cạnh với loài người thống khổ trong cuộc đấu tranh thường nhật.

Ngày nay giữa sự hỗn loạn của binh đao, đó đây vẫn còn những vị Phật đã thành đang làm một cử chỉ đoan quyết: Xuống tóc. Chống kháng lại mọi bất công và ti tiện của xã-hội bằng sự tái tạo tình thương giữa lòng hỗn loạn. Hình ảnh gieo trồng trên đất hoang nứt-nẻ. Đó là một hành động cách-mạng chân-chính. Đoan quyết và can đảm bởi vì ở đó họ phải tự chiến đấu lấy một mình, không khí giới, không bị kích động tâm-lý, không toa rập trong điên cuồng của đoàn lũ.

Xuống tóc.

Hình ảnh đẹp vì mang đầy ý thức và hy sinh. Làn tóc xưa làm tổ ấm cho một tâm hồn, nay vung cho cả và thiên-hạ. Đôi mắt xưa làm ngõ hẹp cho tình về, nay thành ngọn đuốc thắp trong thế-gian. Đôi môi xưa dành thốt một lời, nay ca hoài những bài thơ đẹp nhất cho loài người.

Xuống tóc.

Ôi! tôi biết nói gì với em khi em xin tôi được xuống tóc. Bây giờ em vượt tôi xa rồi, chính tôi đang chạy theo em đây, bởi em biết chống kháng với bất công và ti tiện. Em có ngờ đâu người anh của em đang còn hèn yếu, đang còn sợ hãi, đang còn quỳ lụy trước sự áp đảo vô lương, chưa biết làm sao đứng dậy, chưa biết chống kháng là cái gì.

Người dân Esquimaux khi chân bị vấp đá, tức mình đến lấy viên đá khác ném vào viên đá mình vừa bị vấp. Họ cũng biết chống kháng thay, dù là một sự chống kháng sơ cồ. Tôi nay è chề với những đá nhọn của cuộc đời mà vẫn nằm

im lìm cho đá chích. Tôi không biết chống kháng bởi vì tôi quá ư hèn yếu, sợ hãi, bởi vì tôi quá yếu tôi như người nghiện rượu say mềm vẫn còn uống để bớt say. Bởi tôi lo khi đứng dậy chẳng ai đứng với mình.

Nhưng bây giờ tôi biết em đã dám đứng dậy một mình. Em xuống tóc để trở thành Sư-giả hòa bình, chính chỗ mà tôi tưởng là sẽ chết lại là đất sống. Bây giờ tôi mới biết nằm yên cho đá nhọn chích là một trạng thái bệnh hoạn, hèn yếu vì nó không phải sống cũng không phải chết. Ít nhất cũng phải như người dân Esquimaux kia.

Xuống tóc, hành động quá ư cao thượng và can đảm. Khi

tâm hồn chịu nằm yên, bất động giữa đá nhọn mà không biết chống kháng, sự sống sẽ không thể nào hiện đến.

Tôi đang cố dậy, cố vươn lên... Biết đâu tôi không noi gương em và đang làm cuộc xuống tóc trong tâm hồn.

Những con suối nhỏ đổ dồn về sông. Những dòng sông vào dần trong mệnh mông của biển cả. Và mây biển tỏa lòng ra không gian xanh xa.

Tôi sợ những cơn thác lũ ồ ạt, điên cuồng. Bởi chúng quá vội vàng để trở nên man rợ, hung hãn. Bởi chúng chỉ giết hại và phá phách làng mạc. Nước vì thế không xanh nên trời cũng không trong.

9-11-1962

KÍNH CÁO

Thiên khảo cứu về « Lịch sử tư tưởng Phật-giáo » đến số 10 là trọn một chương. Số này chúng tôi tạm nghỉ, qua số 1 năm Quý-Mão (1963), sẽ bắt đầu đăng chương khác để cho tiện việc xếp đặt.

Mong quý độc-giả hoan hỷ.

L. H.

VƯỜN THƠ ĐẠO - LÝ



NHẤT-NHƯ PHỤ TRÁCH

CÙNG với ngày tháng, hoa của VƯỜN HOA ĐẠO-LÝ mỗi lúc một nhiều. Có những cánh hoa hương sắc phảng phất trời mây Thịnh-Đường một thuở. Có những hoa đường nét sáng tạo lân kỳ, thể hiện những rung động mới của con người trong thời đại mới. Tất cả, dù ít dù nhiều, đều mang nặng những khát vọng giải phóng con người, những nhận-thức thực tại, những rung động bao la...

... Nay đây, một cánh hoa vừa nở đầu vườn, nhưng hương sắc không khỏa làm ta ngạc nhiên :

...Em ra đi vì đã hiểu đời nhiều
Vẳng đâu đây tiếng gọi của tình yêu
Yêu rộng lớn phủ đau thương nhân loại.
Sao rơi rụng trên đường em bước tới
Cành dương mềm che bóng để em đi.
Ngàn muôn năm những dấu cũ còn ghi
Đây quang lộ ngát mùi hương giải thoát
Em ra đi, có người đang trở mắt
Hoa « hiện sinh » chà nát dưới chân em.

ĐỨC-THƯƠNG (Em ra đi)

Tuy còn vướng mắc trong kỹ thuật và từ ngữ, nhưng hồn thơ thật là trong sáng tự nhiên. Hình ảnh của một người ra đi vì đạo pháp thật là huyền ảo :

Sao rơi rụng trên đường em bước tới
Cành dương mềm che bóng để em đi...

Bàn chân người ra đi, tuy thon nhỏ, nhưng mỗi bước đi làm sụp đổ cả một triều sống hư-vọng và phiền tạp:

Hoa hiện sinh chả nát dưới chân em...

...Này đây, lại một cánh hoa, một cánh hoa màu sắc đến nỗi hồn nhiên, bình dị. Một nhìn ngắm, ta không tìm thấy cái vẻ thơ một chút nào, nhưng ngắm kỹ ta mới thấy cái vẻ dễ thương thuần phác mà hiền cách diêm dúa của cuộc đời chưa làm hoen ố được:

Anh cầu xin Phật tổ

Ban cho em một Pháp lành

Để em đừng sa ngã

Trong những ngày tuổi em còn xanh.

Em hãy đi con đường thẳng

Và đừng về ngõ hẹp bùn lầy.

Em hãy tìm con đường đầy ánh sáng

Hai bên đường hoa nở thơm ngát ngày...

VIỆT QUỐC-HÙNG (Anh cầu xin)

Hoặc là:

Tối hôm nay con vào chùa

Nguyện cầu trời đất lên cơn mưa

Đừng lên cơn giông tố.

.....

Xin ơn trên phù hộ

Cho con đừng đi chơi

Vào những nơi tăm tối

Hay vào miền mưa lầy lội

Mà lấm hết tâm hồn...

VIỆT-QUỐC-HÙNG (Nguyện cầu)

Tuy không thể hiện triết-lý Phật-giáo, nhưng lời thơ nói lên được một tâm hồn ngây thơ, chất phác trong tin-ngưỡng. Về « bé bỏng » của Thơ, khiến ta nhớ đến một Nguyễn-nhượng Pháp, một Nguyễn xuân Huy ngày nào...

... Và này đây, xin mời bạn hãy nhìn ngắm một cánh hoa tuy đã bao lần sương gió, nhưng vẫn quay về phía Mặt trời, như cánh hướng-dương hướng về ánh sáng:

.
Gió bụi xao mờ trong nắng
Hận thù lấp cạn yêu thương
Thiếu một lòng tin chắc chắn
Bơ vơ trước mấy ngã đường.



Gót chân nhuộm màu dâu bể
Chiều tà Ảo vọng ngày mai.
Đêm tối phủ dần năm tháng
Xót thương kiếp sống lạc loài.



Ngơ-ngác khi nhìn phương hướng
Về đâu, tàn một giấc mơ
Nhỏ neo mấy mùa lá rụng
Bến xưa bao mắt trông chờ.



Nếp sống an-hòa thanh đạm
Tủ-bì lắng dịu thương đau
Thời gian trả dần ánh sáng
Về đây chung bắt nhịp cầu.

MINH-TRÍ (Chung bát nhịp cầu)

Kỹ-thuật chưa phải là trác-tuyệt nhưng đã khá vững chắc. Hoa sẽ còn nở, nở nhiều và cùng với thời gian, sẽ hiển cho vườn thơ đạo lý và người thưởng ngoạn hương sắc của mùa « thịnh-khai »...



Giới-thiệu hoa thơ với bạn kẻ cũng là điều khó khăn. Hoa thì nhiều, làm sao mời bạn thưởng ngoạn được hết. Ấu đành phải tìm những cánh hoa tiêu biểu vậy.

Lần sau, xin mời bạn ghé thăm những cánh hoa phảng phất tư-tưởng triết-lý Phật-giáo, mà ít khi ta tìm gặp. Tôi sắp muốn giới thiệu cùng bạn hai hồn thơ Phật-giáo, DUY-NIỆM và TRƯỜNG-SƠN-AM...

X Á V Ệ

(Savoasti)

Trích Đường về xứ Phật.

THÍCH THIÊN-CHÂU

(Tiếp theo)

Một ngày kia, đang đi khất thực trong thành. Đại đức Angulimala bị dân chúng liệng đá, đánh đập đến phun cả máu đầu, bình bát bể nát, y áo tả tơi. Đại đức đến trình diện trước đức Phật. Và Ngài dạy: « Angulimala. Hãy can đảm và cố gắng chịu đựng tất cả khổ nhục nhỏ để lên cao ».

Đại đức Angulimala hoan hỷ tiếp nhận lời dạy của Đức Phật. Với một niềm an lạc phát ra từ tâm hồn giải thoát, Đại đức nói:

« Ai tỏ ra tinh tấn tại chỗ không có tinh tấn, ai lấy đức hạnh bao trùm quá khứ của mình, ai trong tuổi trẻ bám víu vào đức Phật, người ấy như mặt trăng chiếu tỏa trần gian với ánh sáng.

Hãy để cho kẻ thù của ta nghe Thánh-giáo này, tuân theo đức tin này và đi theo những người con của tri-tuệ, những người luôn luôn bám chặt vào Thánh - giáo ấy. Hãy để cho kẻ thù của ta nghe đúng thời, lời kêu gọi tình thương này, một lời kêu gọi nhu mì nhẫn nại, và hãy sống đúng theo lời kêu gọi ấy.

Ta, kẻ đạo tặc được gọi là « vòng hoa ngón tay người » sống và bị trôi lăn xuống giòng cho đến khi « người » đưa ta đến đất liền. Là « vòng hoa ngón tay người, ta tắm trong máu đào; nhưng nay ta đã được giải thoát ».

Câu chuyện trên, chính chúng tôi đã được nghe và kể

đi kể lại nhiều lần, nhưng hôm nay nó vẫn mang đến cho chúng tôi rất nhiều thú vị. Có lẽ vì chúng tôi đang được thấy tận mắt, di tích lịch-sử và ý nghĩa câu chuyện vẫn còn sống động. — Theo thiền ý, đức Phật đã cải hóa được nhiều Angulimala rồi. Nhưng hiện nay còn biết bao nhiêu Angulimala đang sống tung hoành khắp nơi trên mặt đất, đang gây tang tóc cho biết bao nhiêu người lương thiện, chúng tôi muốn chỉ những ông tướng thực dân, phát xít, du côn, ác đảng, chưa gặp được Chánh - pháp. Nguyên cầu cho những đệ tử của đức Phật đầy đủ đạo hạnh và oai đức để mang Chánh-pháp của đức Phật đến với những Angulimala hiện tại ấy.

Chúng tôi đi viếng thêm một di tích lịch sử, nữa là Kacchè Kutè. Cũng theo các nhà chiêm bái Trung - Hoa, mô đất cao có hình 2 tháp tròn này là tháp của ông Tudatta (cũng gọi là Cấp-Cô-Độc) một Phật-tử hộ-pháp đắc lực lúc Phật còn tại thế như đã được nói đến ở trên.

Trở về đến Đại-Giác tự, vừa đúng giờ thọ trai. Đại-đức Trụ-trì đang chờ chúng tôi. Thọ trai xong, chúng tôi trở về khách xá nghỉ ngơi. Chiều hôm ấy, sau những giờ làm việc riêng tất cả chúng tôi đều trở lại thăm Kỳ-viên lần chót. Tỉnh tọa ở đây cho đến hoàng hôn chúng tôi mới ra về.

Tối lại, chúng tôi tụng kinh Kim - Cang. Cũng được đức Phật thuyết tại Kỳ - viên. Có cả Thầy Pasadika nữa, Nhưng Thầy ngồi im lặng thuyên quán cho đến cùng — Sau buổi kinh, chúng tôi tất cả đều ra ngồi lại tại chỗ hôm qua để ngắm trăng và bàn việc, trong khi chờ Đại-đức Minh-Châu trở lại Thầy Pasadika hỏi chúng tôi tụng kinh gì vừa rồi chúng tôi trả lời là tụng kinh Kim-Cang. Và luôn dịp chúng tôi đọc dịch và giảng sơ sơ những bài kệ mà chúng tôi nghĩ rằng có thể là đại ý của toàn bộ kinh cho Thầy nghe:

*Tất cả các pháp hữu vi,
Như chiêm bao, ảo thuật, bọt nước*

Như sương mai, như điện chớp,
Cần phải quán tưởng như thế.
Nếu thấy Như-Lai qua sắc tướng,
Nghe Như-Lai qua âm thanh
Người ấy đã tu theo tà đạo,
Không thể thấy được Như-Lai.

Thầy lấy làm hoan hỷ và nói với chúng tôi: «Hiện tại kinh điển Đại-thừa bằng Phạn văn (Sanskrit), rất hiếm tại Ấn. Ở Népal chỉ còn một ít nơi một vài nhà học giả uyên thâm. Gần đây các Đại học đường Bombay, Poona, S'antniketan Caleutta, Benares v.v... có cho in lại các bản luận của Ngài Thế-Thân, Vô-Trước, Long-Thọ v.v... nhưng chưa thẩm vào đâu đối với kho tàng kinh điển chữ Phạn. Qui Thầy biết được chữ Hán là có được cái chìa-khóa để mở kho tàng giáo-lý cao rộng của Đại-thừa. Tôi ao ước sẽ được học chữ Hán trong một ngày gần đây».

Câu chuyện giữa chúng tôi đang còn hào hứng thì Đại-đức Minh-Châu trở lại và sau đó chúng tôi bàn về công việc từ giả và hành trình ngày hôm sau.

Rời Xá-Vệ Đại Tông-lâm Kỳ-viên ở vào một nơi xa cách phố phường nên sự giao thông có bề trở ngại chúng tôi phải chờ ở ngã ba gần 2 tiếng đồng hồ mới đón được xe bus. Trong thời gian đợi xe, một đoàn con nít độ chín, mười em, tuổi xấp xỉ nhau, thấy chúng tôi là người lạ, chúng bu quanh để xem. Đọc sách mãi cũng chán, chúng tôi đứng dậy chơi với chúng. Học Hindi hơn ba tháng trời nhưng chúng tôi chỉ nói được một ít tiếng một vài câu giản dị như namaceté (chào em); Tumko maka kaha hé? (Nhà em ở đâu?) Tumhara kya nam hó? (Em tên gì?); bahút accha (tốt lắm) và dannuar (cảm ơn). Thế mới biết «tri dị hành nan». Tuy chỉ dùng có mấy câu ấy, chúng tôi đã làm quen được với tất cả đoàn. Nói rằng chơi chứ thật ra chúng tôi học với chúng. Mượn một quyển sách tập đọc, bình như của lớp tư thì phải, chúng tôi tập đọc Hindi dưới sự hướng dẫn của chúng. Mỗi lần chúng tôi

đọc sai là chúng cười òa lên rồi sửa lại cho chúng tôi. Hết đọc, chúng tôi mượn một bảng đen và xin chút phấn, viết chính tả bằng cách hỏi tên từng em một. Những lỗi chính tả của chúng tôi được chúng sửa ngay sau khi viết. Một đôi khi chúng tôi làm bộ ngây ngô, ngờ ngẩn và như thế là tạo cho chúng một trận cười thích thú. Chúng tôi đã thực hành được một khẩu hiệu của gia-đình Phật-tử: chơi mà học.

Mặt trời đã lên cao. Nắng mai sưởi ấm chúng tôi. Vài người đi đường thấy đám đông, xúm đến xem. Họ tỏ vẻ hoan hỉ và hãnh diện khi thấy chúng tôi là người ngoại quốc cố gắng học tiếng mẹ đẻ của họ. Lòng chúng tôi cũng rộn lên một niềm vui tươi trẻ. Chúng tôi ước mong được trẻ mãi để học cho bớt dốt.

Lớp học ngoài trời này bổ ích cho chúng tôi rất nhiều — Vì một mình chúng tôi là học trò mà có đến gần 10 giáo sư, em nào cũng làm Thầy chúng tôi được vì chúng đều biết đọc và viết Hindi. Câu « học bất si hạ vấn » trong trường hợp này đối với chúng tôi thật là chí lý.

Sang đây chúng tôi cảm thấy như nhỏ và trẻ lại. Ừ, không nhỏ sao được vì chúng tôi đang còn đi học kia mà! Một tấm quảng cáo bên đường là một bài tập đọc ngắn của chúng tôi. Một đám rước, những người đàn bà lúp mắt v.v... đều làm cho chúng tôi đặt thành những câu hỏi. Như một đứa bé nhà quê đi phố với mẹ, nhất nhất cái gì chúng tôi cũng hỏi Đại-đức Minh-Châu. Nhiều khi chúng tôi làm cho Đại-đức bực mình vì những câu hỏi không đâu. Chúng tôi quả là đang đi học và vừa đi vừa học.

Xe bus đến. Chúng tôi từ giả Xá-vệ, Kinh thành vang bóng một thời khi vua Ba-Tur-Nặc trị vì và đức Thế-Tôn giáo hóa ở đây. Những tiếng Namaceté thân ái và những cái vẫy tay hữu nhiên của những em bé Xá-vệ làm chúng tôi càng thêm bồi ngùi lưu luyến...

NƯỚC TỈNH RỪA THÙ

(Kịch 3 màn của Hoàng-Ăn)

(Tiếp theo)

Quan Tư-Pháp: Mã-Hùng đến đây ta hỏi... Con có lấy chuỗi ngọc không?... Sao con làm thình đứng tự nhiên như pho tượng vậy? Con nghĩ gì? Có lấy không thì nói?... Trời nó vẫn làm thình! Con không khai buộc lòng ta phải tra tấn. Nhưng con để thương quá ta nỡ nào xuống roi. Vậy con đừng dè phiến lòng ta.

Mã-Hùng: Bẩm quan Tư-Pháp con không lấy nhưng con biết tên bốn người lấy.

Quan Tư-Pháp: Những ai con khai ra.

Mã-Hùng: Người thứ nhất là Thái-Tử La-Sơn. Người thứ nhì là Đại thần Hải-Đức, người thứ ba là phú ông Bạch-Mai và người thứ tư là ca-ký Giáng-Châu

Quan Tư-Pháp: (sững sờ) Con khai thật hay đùa vớ ta?

Mã-Hùng: Con khai thật.

Quan Tư-Pháp: Thế thì ta sẽ diên mắt vì bốn người ấy ngoài Hoàng-Đế ra không ai sánh kịp tiền của. Thái-Tử La-Sơn là con vua mai nay sẽ kế nghiệp. Đại thần Hải-Đức là Tề-trưởng tột bậc triều đình. Phú ông Bạch-Mai oai quyền nhất thế. Còn Giáng-Châu là một danh ca tài sắc nổi tiếng đương thời, các vương tôn công tử thầy đều yêu chuộng, rập rem. Bốn cột trụ chống trời xanh ấy mà con buộc vào một giây thì thử hỏi trời đất không quay cuồng trong đầu óc ta sao được? Nhưng con đã khai thì ta phải cho mời đến xét hỏi. Thị vệ. (Có tiếng dạ rồi thị vệ vào).

Thị Vệ: Ngài cho đòi chúng tôi?

Quan Tư-Pháp: Hoàng Đế cho mời Thái-Tử La-Sơn, Đại thần

- Hải-Đức, Phú ông Bạch-Mai và ca kỹ Giáng-Châu đến gặp.
- Thị Vệ:** Phụng mạng. (thị vệ ra quan Tư pháp đi đi lại lại mấy giây thì cả bốn người vào).
- Đ.T. Hải-Đức:** Hoàng Thượng có việc gì mà phán đòi chúng tôi gặp như vậy?
- Quan Tư-Pháp:** Hoàng Thượng ban trọn quyền cho tôi xét hỏi việc này. Hoàng-Hậu mất chuỗi kim cương, thằng bé này khai bốn vị lấy.
- Tất cả:** (Đồng thanh) Trời ơi!
- La Sơn:** (xen lên trước) Thằng kia! Tao là Thái-Tử mà trộm của nhà vua. Mày muốn bày trò gì mà khai lạ lùng như thế?... Kia sao ngồi trơ trơ chẳng nói chẳng rằng.
- Hải-Đức:** (tiếp chân) Ta là Tề-tướng triều đình am-tường luật pháp tội trộm cắp nặng thế nào không biết hay sao mà can phạm vào. Hay ngươi muốn điều gì cứ thật nói ra... Nói đi. Sao khai cho người ta rồi ngồi sững làm vậy?
- Bạch-Mai:** (lại gần) Ta là Phú-ông phong lưu tốt bụng, vàng bạc châu báu thiếu gì mà còn đây đây lấy trộm. Mà ta làm sao vào được chỗ cung điện nhà vua. Có phải con tinh nghịch muốn khai bậy cho vui thì nói... Hãy nói đi (Mẫu-Hùng ngồi yên lặng, ba người nhìn nhau rồi rút lui về Đạ Lan Hương đến hỏi).
- Giáng-Châu:** (rụt rè) Chị với em không hề quen biết nhau, sao em khai tên chị vào? Một tiếng cười, liếc mắt của chị ngọc ngà châu báu đồ lấp lánh, chị thiếu gì tiền của mà bôi nhọ cái danh của chị. Em giận chị mà khai cho bỏ ghét hay sao?... Kia em vẫn ngồi không nhúc nhích... (đứng chờ một giây rồi bèn lên trờ về ngồi).
- Quan Tư-Pháp:** Việc xảy ra đến như thế, nó đã khai thì các ngài e phải liên can, mà Hoàng-Đế lại rất quan tâm đến vụ này. Bây giờ các ngài tính sao?
- Thái Tử:** Quan Tư-Pháp cho tôi vào năng nĩ với Mẫu-Hoàng xin kéo dài thêm thời gian vụ xử này để tìm manh mối.

- Quan Tư-Pháp :** Xin chịu ý Thái-Tử. (*Thái-Tử ra*)
- Phú Ông :** Còn tôi, xin cho tôi tạm về nhà sai bảo vợ con, gia nhân rải tiền ra thuê người tìm kiếm của mất.
- Quan Tư-Pháp :** Thế cũng được (*Phú ông ra*)
- Giáng Châu** Ngài cho tôi về vài khắc báo tin các công tón, vương tử ra lệnh cho các tay hảo hán theo dõi phường lục lâm.
- Quan Tư-Pháp :** Nàng được phép. (*Giáng-Châu ra*)
- Hải-Đức :** Riêng tôi không đi đâu cả. Nhờ Giám quan cho tôi quan sát lại chỗ này... (*cùng quan Tư pháp lui tới xem xét một lát*) xin quan Tư-Pháp khai tấu Hoàng-Thượng cho tôi được bãi yết lệnh bà.
- Quan Tư-Pháp :** Xin vâng ý Ngài... Hai vua đã vào kia (*La Hầu, Hoàng hậu vào*).
- La-Hầu :** Thái Tử vào tàu hết cho ta biết cuộc xét hỏi hôm nay. Quan Tề-Tướng nghĩ sao ?
- Hải Đức :** Tàu chúa Thượng, nơi đây là cấm cung tất nhiên không một bóng người vào ra.
- La-Hầu :** Không một bóng người.
- Hải-Đức :** Nhưng nếu có bóng một con vật nào thì chuổi kim cương kia cũng có thể mất lắm. Tàu Lệnh bà có nuôi một con vật gì không ?
- Hoàng-Hậu :** (*Sực nhớ*) À ! Lệnh nó ! Đó là tên một con vượn trắng mà ta cũng cưng lắm. Nó thường vào đây chơi với Mã-Hùng, gia đình nó ở trong lâu trên cây đại thọ vườn sau.
- Hải Đức :** Nếu vậy xin chúa Thượng truyền lệnh ngự lâm quân ra tìm chắc có
- La Hầu :** Tề tướng nói có lý. Quan Tư-Pháp cho thi hành ngay đi. (*quan Tư-Pháp ra một lát vào tay cầm chuổi kim cương*).
- Tất cả :** (*vui sướng*) Ồ !
- La-Hầu :** (*cầm chuổi ngọc kim cương cười*) Một con khỉ mà làm khờ không biết bao nhiêu người (*quay hỏi Mã-Hùng*) Nhưng tại sao con lại khai cho bốn người ấy ?

- Mã-Hùng :** Tàu bệ hạ, việc oan ức thần không biết kêu ai cho thấu nên nghĩ ra một cách là khai cho bốn người có uy thế nhất trong nước. Họ liền can vào tất phải tìm có hàng trăm mưu lạ hàng vạn phương cứu gỡ, chứ một mình con nhỏ dại biết tính sao được.
- Tất cả :** *(đều cười)*
- La-Hầu :** Quả Mã-Hùng là một thần đồng tại thế, thông minh chưa bao giờ thấy! Lòng Trẫm đã nhất quyết vậy ái Khanh đề Trẫm đưa nó về cung dạy dỗ. Khanh không nên vì quá thương mà hại cả tương lai nó.
- Hoàng-Hậu :** Thần thiếp xin chịu ý long nhan.
- La-Hầu :** Mã-Hùng, người về cung Trẫm ăn ở cố gắng học hành, đúng năm hai mươi tuổi Trẫm sẽ trao thanh gươm vô hủu để luôn luôn ở bên mình Trẫm hộ giá. Thôi người vào lạy Hoàng-hậu từ giả người mà theo Trẫm.
- Mã-Hùng :** *(lạy Hoàng-hậu)* xin tạm biệt Hoàng-hậu...
- Hoàng-Hậu :** *(buồn rầu)* Tạm biệt con...
(Mã-hùng vái Hoàng-hậu rồi cùng La-hầu, Đạt thần Hải-đức ra. Hoàng-hậu nhìn theo, tỏ vẻ luyến tiếc)

MÀN HẠ



MÀN 3

BÀI TRÍ

Cảnh núi rừng, cây lá. Ở giữa sân khấu có một thảm đá lớn về phía bên phải một ngọn suối nước chảy róc rách.

MỞ MÀN :

Vó hộ giá Mã-Hùng vạt mang cung tên, lưng đeo trường kiếm ngồi trên thảm đá. Một giây Quách-Như, cũng gươm và cung tên, áo quần ướt đầm mồ hôi vọt vĩa vào.

- Quách Như :** *(thở hên hên)* Công Chúa!
- Mã Hùng :** *(đứng dậy)* Quách-Như! Người mệt nhọc lắm?
- Quách Như :** Công Chúa, nhà vua phi ngựa mau quá, tôi và

ngự lâm quân rượt đã hết hơi mà không sao the
kịp... Ngang lưng dèo, tôi cột ngựa leo bộ lè
đầy cũng gần chết... Nhà vua đâu?

Mã Hùng: Người đang ngồi nghỉ chân bên kia một mình

Quách Như: Một mình?

Mã Hùng: Vì tất cả ngự lâm quân đều lạc vào rừng.

Quách Như: Thế thì cơ hội này độc nhất sao. Công Chúa
chưa thi hành... Hay nếu Công-Chúa vì nãn
ân nghĩa của nó thì để tôi qua cho một lát đã
xong đời tên thoán nghịch.

Mã Hùng: La-Hầu võ nghệ cao cường người muốn bỏ mạng
dưới tay hãn hay sao?

Quách Như: Vậy Công-Chúa còn đợi đến khi nào nữa?...
Trời ơi! Hay Công Chúa không còn là Công
Chúa Lan-Phượng nữa mà chỉ là quan võ h
giá của Đại-Đế La-Hầu?

Mã-Hùng: Quách Như có thể ngờ oan cho ta như thế đượ
ư? Ta phải đâu là kẻ tầm thường vì mùi phi
quý mà quên cả mẹ cha. Nhưng kể từ khi t
từ biệt Thái-Giám cải dạng nam nhi theo ngườ
về Tràng An ca hát rồi vào cung ăn ở cho đến
năm hai mươi tuổi nhà vua mở võ trường kết
chọn nhân tài, không một ai theo kịp ta, nh
vua trao thanh gươm vô hủu để hộ giá ngườ
và ta đã hộ giá người hơn hai năm. Kể từ
khi ấy đến nay hơn mười năm, mỗi lần nhớ
đến cha đầu rơi trên pháp trường thì máu hận sô
trào nhưng mưu cơ sắp mồi không thành ta kéc
dài ngày phục hận. Ta khổ sở vô cùng, nhất
là khi nghe tin lão Thái-Giám đã bỏ mình chốn
rừng xanh. Lão trung thần đã kiên trinh vì Chúa,
gói năm xương khô chờ xem ngày báo thù cho
chủ, nhưng thù ta chưa trả mà Thái-Giám đã
hóa ra người thiên cò. Nhưng hôm nay cơ hội
đã đến, ta chỉ còn chờ phút khắc. Ta chờ cho
La-Hầu ngũ mê là hạ thủ ngay.

Quách Như: Tôi chỉ sợ Công-Chúa không cương quyết.

- Mã-Hùng:** Ta cương quyết nên mới bày cuộc đi săn để lừa hắn đến nơi tử địa một mình.
- Quách Như:** Nhưng nếu hắn cứ thức mãi cho đến lúc về?
- Mã-Hùng:** Hắn sẽ ngủ vì gió rừng mát quá mà hắn mỗi một từ sáng đến giờ thì thế nào cũng đánh một giấc ngon lành trên thềm đá này.
- Quách Như:** Nếu vậy nhiệm vụ của tôi là ở gần Công-Chúa để luôn luôn thức đây Công-Chúa đã làm xong. Vậy tôi xin trở về rừng Kham thăm mộ phần thục phụ tôi (ra)
- Quách - Như ra một giây La - Hầu (cũng cung tên trường kiếm) vào.
- La-Hầu:** Nay quan Võ hộ giá! Trẫm thấy hình như có bóng người vừa chạy xuống.
- Mã-Hùng:** Tàu bị hạ, đó là Quách-Như.
- La-Hầu:** Nó cũng theo kịp chúng ta?... Vậy bây giờ nó đi đâu.
- Mã-Hùng:** Tàu, hạ thân sai gã tức tốc về cung xin Hoàng-hậu đưa xa giá lên rước bộ hạ về để khỏi mệt lưng rờng trên yên ngựa.
- La-Hầu:** Trẫm sức mạnh mà cũng thấy nao núng chân tay.
- Mã-Hùng:** Mời Bộ-hạ tạm ngả mình trên thềm đá này.
- La-Hầu:** (Đến ngồi) Đã lâu ngày Trẫm bỏ cái thú chơi săn vì Khanh thường khuyên Trẫm đừng sát sanh vô ích. Bỗng hôm nay Khanh lại mời Trẫm mở cuộc lập-du, Trẫm thích quá liền truyền sắp đặt thật to lớn, nhưng bản không bản chúng ta cầm đầu chạy mãi vào rừng sâu.
- Mã-Hùng:** Hạ thân cam thọt tội.
- La-Hầu:** Ồ! Thì cũng tại Trẫm muốn trở tài với Khanh. (Nhìn quanh) Rừng này nguy hiểm vào để ra khó, nếu không định tinh thần hồn khó tìm đường về.
- Mã-Hùng:** Bộ-hạ yên tâm, Hạ-thần còn nhớ lối ra.
- La-Hầu:** Có Khanh Trẫm vững lòng không còn lo gì nữa (đốc bình nước uống). Khát quá! Trẫm uống một hơi hết cả rồi.

- Má-Hùng :** Nếu Bệ-hạ còn khát, Hạ-thần xin lấy nước suối kia dâng lên.
- La-Hầu :** Trẫm uống nhiều rồi, Khanh có khát hãy đi uống đi.
- Má-Hùng :** Tàu, Hạ-thần chưa thấy khát.
- La-Hầu :** Trẫm khen Khanh bền sức. Ngựa phi mấy chục dặm, lên gềnh xuống thác từ sáng sớm đến giờ mà không mệt, khát không khát. Ôi! Sung sướng thay là tuổi trẻ! Hồi Niên - thiếu Trẫm cũng bền bỉ lắm nhưng bây giờ già rồi không thề như xưa. Thế mới biết oai quyền của vua chúa không thắng nổi sức mạnh của thời gian. Xem Bệ-hạ còn bền tuổi thọ.
- Má-Hùng :**
- La-Hầu :** Ừ! Trẫm còn khỏe mới theo nời Khanh... Ô! Mát quá!... Khanh ạ Trẫm vốn ham thích du ngoạn nơi danh lam thắng cảnh, núi non hùng vĩ vì hể vào rừng xanh là Trẫm bỗng nhiên thấy khoan khoái trong tâm hồn. Tất cả những gì bận tâm trí Trẫm đều rút sạch, Trẫm tưởng chừng như không còn vướng víu gì với đầu dây. Khanh hãy lắng tai nghe tiếng suối róc rách, gió rì rào; cái tiếng động không gần không xa và vô thủy vô chung ấy hình như càng tăng thêm vẻ tịch mịch, yên tĩnh của cỏ cây, non nước để lắng sâu vào cõi lòng ta và làm êm dịu mạch sống, ta tự nhiên thấy nhẹ nhàng thân xác và đầu óc trở nên sáng suốt... Kia Khanh có nghe Trẫm nói không mà mãi nhìn đầu đầu? Hình như hôm nay Khanh có điều gì tư lự. Trẫm đề ý từ khi ra đi đến giờ Khanh ít nói, có khi đôi mắt dăm chiêu về một cõi xa xăm có khi nhìn chăm chăm vào Trẫm. Khanh có điều gì chẳng?
- Má-Hùng :** Hạ - thần không thề nói ra được. Nhưng nếu cái cảnh yên tĩnh của núi non đang làm cho tâm hồn Bệ - hạ phiêu diêu nhẹ nhàng thì trái lại cái cô tịch của rừng xanh đang nặng nề trong cõi lòng âm u của Hạ-thần.

- La-Hầu :** Khanh có tâm sự gì hãy nói cho Trầm nghe ?
- Mã-Hùng :** Tàu, hạ thần không thể nói ra được...
- La-Hầu :** Nhưng nếu Khanh buồn thì lòng Trầm sao vui. Khanh ơi! Mười năm trước, khi Khanh còn ăn học cũng như khi thành tài. Trầm đãi Khanh như Thái-Tử mà Khanh cũng một dạ thờ Trầm như cha, cho nên trong đạo quân thần nặng tình Sư phụ.
- Mã-Hùng :** Chính vì vậy mà Hạ - thần xao xuyên tâm hồn hôm nay.
- La-Hầu :** Nhưng Khanh đã có lỗi lầm gì với Trầm ? Hay Khanh có điều gì bất mãn về chính sự Triều đình, thì cũng nói ra cho Trầm nghe.
- Mã-Hùng :** *(Bớt rớt)* Rồi Hạ - thần sẽ tâu nhưng xin Bộ-hạ đừng bận trí rông đến nữa.
- La-Hầu :** Ồ! Trầm chịu ý Khanh... Khanh ạ- Trầm thật may mắn có Khanh. Nhờ gần gũi Khanh mà người Trầm thay đổi nhiều. Trầm thì ò ạt, nóng nãy. Khanh thì lại Trầm tĩnh dịu dàng. Nhưng không phải vì cái dịu dàng ấy mà giảm bớt nét hùng dũng của một trang Thượng - Tướng, trái lại nó làm cho vẻ uy nghi của Khanh như dấu một vai quyền kín đáo Khanh khuyên can một điều. Trầm bỏ ba bốn và có khi không nói ra mà tự nhiên Trầm sửa tật xấu xa. Khanh quả là bức gương soi của Trầm.
- Mã-Hùng :** Bộ-hạ quá khen, Hạ - thần chỉ sợ không xứng đáng với ân sủng ái.
- La-Hầu :** Còn ai xứng đáng hơn Khanh nữa. Trầm tỏ bày thành thật ý nghĩ của Trầm đó... Ồ! Gió mát quá! Trầm thấy riu riu đôi mắt, buồn ngủ lạ lùng! Hay là Trầm ngủ một giấc cho lại sức.
- Mã-Hùng :** Tàu Bộ-hạ cứ an giấc, đã có thần Hộ-giá *(La-Hầu nằm nghiêng mình, ngáp dài luôn mấy cái rồi ngủ một giấc ngon lành Mã-Hùng nhìn chăm chăm vào mặt La-Hầu. Khi biết La-Hầu nghĩ đã ngon liền rút kiếm...*

(Còn nữa)

MÁCH THUỐC



Ô. H. h. Thủy (Huế).

- Bị bệnh mắt cóc.
- Kém trí nhớ.

Trả lời:

- Không phải vì bắt cóc mà bị mắt cóc. Chính ông cũng công nhận là không có lý vì ông rất sợ cóc. Ông nên đến Bệnh-Viện Trung - Ương xin chữa bằng điện (galvanocautérisation).

- Không phải vì uống nhiều Glutaminol mà bây giờ ông kém trí nhớ hơn trước. Ông phải chăm sóc sức khỏe của ông cho chu đáo người mà thân thể mạnh thì trí não cũng tốt được phần nào (ông nhớ câu: une âme saine dans un corps sain), và do đó mà ông luyện tập tinh thần mình mãi thêm lên, học đầu nhớ đó.

Ô. T. đ. Nguyễn Phú-Phương (Quảng - Nam).

- Hai con 4 tuổi và 8 tháng khớp mình nổi lên từng đề đỏ ngứa và từng cục u nhọt trên đầu, trên cổ, nhất là về mùa viêm nhiệt.

- Đưa cháu gái lên 7 hay dài đêm ban đêm. Y-tá cho uống Nénovitamine 4 có bớt nhưng sau quen thuốc cứ dài đêm như cũ.

Trả lời:

1) Hai con ông có thể uống thuốc như sau đây:

- SYNTHOMYCETIN SIROP (4 tuổi uống ngày 4 lần mỗi lần một muỗng - mẩu, 8 tháng uống ngày 2 lần).

- VITALERGAN (4 tuổi uống ngày 4 muỗng nhỏ, 8 tháng thì uống 2 muỗng nhỏ).

- VIDAYLIN (4 tuổi uống 1 muỗng nhỏ trước 3 buổi cơm, 8 tháng uống 1/2 muỗng sáng 1/2 muỗng chiều).

Hai con ông bị bệnh Furonculose, nên tắm rửa sạch sẽ luôn, dùng xà-phòng DERMACID (hoặc LACTACYD), Tắm xong xoa DECADRON POMMADE lên những chỗ lở mủ hay đề đỏ, xoa ngày 2 lần.

2) Cháu gái nên dùng PERTRANQUIL SUPPOSITOIRE ENFANT nhét một viên vào hậu-môn tối trước khi đi ngủ. Buổi tối cho ăn uống ít nước lại. Cho cháu ăn một muỗng to thuốc cốm ULTRANITAMINE 4 trước cơm trưa và cơm tối.

Cô N. H. Tam - Linh (Đà - Nẵng).

1) Nhức mỗi ở cùi tay, ban đêm nhiều hơn. Nhức mỗi cả ở bả vai.

2) Đi học về mệt, tiêu-tiên xong lại đi lại liên-tiếp 4, 5 lần, mỗi lần cách nhau độ 5 phút và đi độ vài giọt tiêu thối, đi xong thấy đau đầu khó chịu và bắt rùng mình.

3) Kinh-nguyệt không đều tháng có tháng không. Năm ngoài có có tiêm Synergion nhưng vẫn không đều.

4) Da trắng nhưng xanh, sợ thiếu máu. Trời lạnh thì chân tay lạnh ngắt.

5) Trong miệng hay mọc mẩy mụn nhỏ nhỏ, bề lõm màu trắng, nhấm đồ ăn thì nhức lắm.

6) Trước kia da mặt mịn luôn luôn, nhưng nửa tháng nay bị

mọc vài mụn mụn, khó chịu, rờ thấy nhám nhám. Vì sao mà có mụn và điều trị cách nào?

Trả lời:

1) Uống ARCODEXAN ngày 2 viên (một viên sau cơm trưa, một viên sau cơm tối). Uống luôn trong một tuần. Tiêm thêm BÉVITINE mỗi ngày 1 ống vào móng, tiêm trong 10 ngày.

2) Uống ORTHOSIPHÈNE mỗi ngày 1 ống, uống trong 1 ly nước (uống nửa ly khi đi học về buổi sáng, nửa ly khi đi học về buổi chiều).

3) Kinh-nguyệt không đều dùng SYNERGON cũng tốt. Khuyến cáo nên chích vào ngày thứ hai mươi và ngày thứ hai mươi mốt sau khi bắt đầu hành-kinh mỗi ngày một ống LUTOGYLNCESTRYL. Chỉ chích hai ống đó thì nghỉ, đợi hành kinh lại và cách hai mươi ngày sau khi bắt đầu hành-kinh tiêm lại thuốc trên. Cứ như vậy tháng nào cũng tiêm một hoặc hai ống LUTOGYLNCESTRYL và tiêm trong vài tháng.

4) Có nên uống TONIQUE BAYER một muỗng to trước 3 bữa cơm, uống chậm chậm cho ngấm thuốc vào lưỡi. Uống cho được nhiều chai chừng nào tốt chừng đó.

5) Mụn trong miệng có sanh ra vì thiếu sinh-tố PP trong máu. Có chích mỗi ngày 1 ống NICOTAMIDE hoặc uống NICOTAMIDE SPECIA mỗi ngày 3 lần mỗi lần 2 viên.

6) Mụn sinh ra vì da có bị vi-trùng phá. Có nên xoa DECADRON POMMADE ngày 3 lần vào chỗ mụn và uống MADRIBON sáng 1 viên chiều 1 viên, luôn trong một tuần.

Ô. Trần q. Thang (Ba - Xuyên).

— Mặc một chứng bệnh mà người ta cho một toa thuốc trong đó có chất thủy-ngân nhiều nhất. Thuốc ấy độc vì người ta bảo uống vào mà không kỹ thì có khi rụng hết cả răng, thành thì tôi chưa dám xir-dụng nó. Tôi xin nhắc lại rằng toa thuốc ấy rất hay.

Trả lời:

Ông không nói rõ chứng-bệnh gì, dùng mercure với độ-lượng bao nhiêu nên tôi cũng khó nói chuyên với ông. Tuy nhiên thuốc mercure người ta thường dùng để chữa bệnh giang-mai; bây giờ đã ít dùng đến thuốc ấy rồi.

Ông nhắc lại là toa thuốc ấy rất hay, điều đó làm tôi lạ vì ông sợ chất thủy-ngân chưa dùng đến làm sao mà biết hay hoặc không hay. Có thể hay cho người khác nhưng đối với ông chưa biết kết quả ra sao. Điều lạ thứ nhì là thuốc mercure dùng để chích hoặc xác ngoài da chứ chẳng thấy mấy ai uống.

Dùng mercure có những biến-chứng sau này:

— Viêm miệng, — Đi chảy, — Hư thận.

Ông có dùng nên thận-trọng, tôi xin nhắc lại vì:

1) Thủy-ngân dùng để sát trùng dụng-cụ (stérilisation) nhiều hơn là để chữa bệnh.

2) Không uống thủy-ngân để trị bệnh (chỉ chích hoặc xoa nhiều hơn).

3) Các biến-chứng kể trên.

Bác-sĩ N-A

Y-Khoa Đại-Học PARIS
213 Huỳnh-Thúc-Kháng - Huế

Lễ khánh thành chùa Hải-Quang của Hội Ái - Hữu Trung - Việt tại Sài Gòn

Phóng sự của DUY-VỸ

Nếu kiến tạo một ngôi Chùa là hủy diệt một nhà tù, thì chính Hội Ái-Hữu Trung-Việt, đã làm công tác hủy diệt đó bằng cách long trọng khánh thành ngôi Hải-Quang tự ngày 25-11-1962 vừa qua sau hơn 30 tháng nỗ lực xây dựng.

Lễ Khánh-Thành không những long trọng ở hình thức đồ sộ, rực rỡ bên ngoài mà còn ở sự hiện diện quang lâm quý báu của vị Trưởng-lão là Hòa-Thượng Tây-Thiền và cả phái đoàn Tăng-Già Toàn-Quốc nữa.

Thật vậy, với hàng ngàn hội-hữu và đạo hữu cùng quan khách, không khí vùng nghĩa địa Tân-Sơn-Hòa như sống dậy. Năng ban mai cũng bừng lên ngoài trời như nắng đạo đang dâng lên trong lòng người. Những chiếc áo màu lam, màu đen, những nén hương, bó hoa, những lễ vật cúng dường như tô sắc hương cho khung cảnh trang nghiêm của ngôi Phạm-vũ, chưa bị phai mờ vì năm tháng.

Từ sáng sớm, con đường vào Hải-Quang-tự đã hẹp càng hẹp hơn với những đoàn xe hơi lú lợt, với lớp sóng người cuộn cuộn, từ Thủ-đô và các vùng phụ cận kéo về. Người ta hỏi han, trò chuyện trong niềm hân hoan như muốn trang trải tâm sự mình sang cùng đạo hữu, cô cây và những linh hồn đang âm thầm yên giấc nghìn thu dưới mộ chí. Ngôi chùa Hải-Quang oai linh vươn mình lên trong ánh nắng chan hòa. Khoảnh sân lầy lội vì trận mưa chiều hôm trước sáng nay đã khô dần và lòng đất rắn chắc lại như hòa với ý chí sắt đá của hàng ngàn tín đồ con Phật quay về chiêm ngưỡng.

Tiếng máy phóng thanh từ bên trong vọng ra như thúc dục, nhắc nhở.

Cả chánh điện to rộng cũng như thu mình hẹp lại bởi khối thiện nam, tín nữ. Đức Từ-Phụ uy nghiêm an tọa trên tòa sen mỉm cười hoan hỷ như hải lòng về tâm thành của đàn con đang chí thành dâng lễ.

Có những gương mặt hớn hở như mừng sắp gặp được người thân, có những gương mặt thoáng bản khuôn như chờ đợi trông ngóng. Phải rồi. Họ đưa tay lên xem đồng hồ. Họ ngược mắt nhìn ra cổng. Họ đang đợi, đang trông một sự kiện sắp đến. Nét mặt

họ bỗng tươi hẳn lên khi máy phóng thanh loan báo: « Ngài Hòa-Thượng và phái đoàn đã đến, mời quý vị đứng dậy nghênh đón... » Thế là điệu kèn nhạc trống với những âm thanh quen thuộc gần gũi với hồn dân tộc trời lên. Ba hồi Bát-Nhã cũng được khua lên lúc hai cánh cửa giữa ở cổng chùa mở toan ra. Ban nghi lễ Hội Ái-Hữu Trung-Việt mà dẫn đầu là ba Hội hữu khăn áo chỉnh tề mang hương trầm nghi ngút, rước vị Hòa-Thượng Trường-lão tiến dẫn vào chánh điện.

Những bàn tay chấp lên, những chiếc đầu gục xuống cung kính, những đôi môi mấp máy chân thành và những đôi mắt rực sáng, vui mừng. Nét Từ-bi, đạo hạnh tỏa hẳn trên khuôn diện của Ngài Trường-lão như có sức thu hút, chinh phục những tâm hồn lạc lõng, còn bơ vơ giữa chốn ba đào thế tục.

Khi hai dãy hoàng-y đã song song phôi màu trước chính điện, ông Hội-trưởng hội Ái-hữu Trung-Việt trong quốc-phục trịnh-trọng bước lên máy vi-âm đọc diễn-văn chào mừng quý chư tôn Hòa-Thượng, Thượng-tọa, Đại-đức và toàn thể quan khách, đạo hữu hiện diện.

Về thiện-duyên kết-hợp đề kiến tạo ngôi Bảo-tự, Ông Hội-trưởng trình bày: « Chùa Hải-Quang được phụng lập do quyết định của Đại hội-dồng thường niên ngày 27-3-1960, thể theo ý nguyện của các hàng Hội-viên là thực hiện ngay tại nghĩa-trang Tân-Sơn-Hòa này, việc tôn trí ngôi Tam-bảo, hầu đem về lợi lạc thiêng liêng và thiết thực... »

Ông cũng không quên nhấn mạnh rằng: « Chùa chiền là trung tâm tiêu biểu cho đạo đức cổ truyền, là nơi đề cho con người trau dồi tâm hồn hướng thượng... »

« Phát-huy đạo đức đề sống an-vui, thuận thảo, phát-huy đạo đức đề sống gần bó keo-sơn. Hội-hữu chúng tôi trước đã biết huynh đệ tương-liên, nay nhờ Phật Pháp, ắt học tập thêm cái tinh thần tu tiến. »

Cho nên, trước sự hoàn tất viên-mãn ngôi Tam-Bảo hôm nay, lý đương-nhiên phải đến là: « Buổi lễ đã bắt đầu khai mạc — Nén tâm hương đang dâng lên cúng dường Đấng Chí-Tôn an vị. Xin thỉnh cầu quý Ngài, quý liệt-vị góp sức cầu nguyện với chúng tôi, lợi lạc diệp dụng sẽ đến với chúng ta, đến với tất cả chúng sinh trong ba cõi. »

« Đền, phóng quang như Thánh-trí tòa ngời. Chuông, tiếng dội như Hải triều cảnh tịnh. »

« Hải-quang tự giờ đây với Chánh pháp thường còn. »

« Hải-quang tự giờ đây với Đạo-Vàng linh-hiền... »

Tiếng vỗ tay hoan-nghinh vừa chấm dứt, Thượng-tọa đại diện Giáo-Hội Tăng-Già Toàn-quốc, ứng-khâu ban huấn-từ. Thượng-tọa đã sơ lược nhắc quá trình tiến-triển của Phật-giáo V.N, vai trò lịch sử độc nhất vô nhị của Phật-Giáo Việt-Nam đối với sự trường tồn dân tộc và tổ-quốc và cũng chính Thượng-tọa đã nhắc lại lời phát ngôn bất hủ của một vị Tu-sĩ khi trả lời cho một chính khách ngoại quốc về sự phụng lập hằng trăm hằng ngàn chùa Phật-giáo mà chúng tôi đã mạn phép dùng đại-ý đề khai bút bài phóng sự. « Chúng tôi tin rằng sự kiến-tạo một ngôi chùa sẽ là một sự hủy diệt của một hay nhiều nhà tù trong tương lai... »

Tiếp theo lễ Khánh-thành là lễ Quy-y, lễ cầu-nguyện : Thế-giới hòa bình, quốc-thái dân an và lễ chân tế cầu-siêu cho nạn vong, chiến sĩ.

Sau đó, trong gần một tiếng đồng hồ, Thượng-tọa bồn báo Chủ-nhiệm đã thuyết pháp trước một số đông hội-hữu và quan khách về đề tài « Phật Pháp ».

Lễ Khánh-thành chấm dứt trong bầu không khí nhiệt thành tin tưởng vào Chánh-pháp Từ-bi và mục đích tương thân tương trợ của Hội.

Saigon ngày 26-11-1962

CÒN NGUYÊN



*Thân tặng Pháp-hữu Thiên-Ân, kỷ-niệm
ngày hồi-hương phục-vụ Đạo-Pháp*

**Chân như là thuở sơ khai
Tâm tư từ thuở Như-Lai ngộ tràn
Ta-Bà mấy nẻo thì gian
Ngược xuôi, xuôi ngược con đường tử-sinh
Mê lầm áp ủ vô minh
Đến bao giờ thoát ảnh hình mai sau
Thế nhân lăn lộn sắc màu
Thương đau quyền với thương đau không ngừng
Không gian chuyển nhịp xa luân
Tháng ngày heo hút tàn dần nghiệp duyên
Mai kia phủ kín hương Thiền
Đóa hoa Phật-Tịnh còn nguyên thuở nào
Lối về trần ngộ trắng sao
Vào trong đêm vắng rạt rào chân như**

Tokyo, mùa lá rụng 1962
Huyền-Không

QUỸ CỨU TRỢ NẠN BÃO BABS (16-9-62)

Cho 2 Tỉnh-Hội Phật-Giáo Quảng-Trị và Thừa-Thiên.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Hòa-Thượng THUYỀN-TÔN Hội-Trưởng Hội Phật-Giáo Việt-Nam tại Trung-Phân.

Các Tỉnh-Hội, Trường Bồ-Đề, Gia-Đình Phật-Tử, Tín-dồ Hội-hữu xa gần đã gửi về ủng hộ cho quỹ cứu trợ nạn bão BABS (16-9-1962) tại 2 Tỉnh-Hội Phật-Giáo Quảng-Trị và Thừa-Thiên, văn phòng Tổng Trị-Sự đã nhận được số tiền và tặng phẩm của các nơi đến ngày 30-11-1962 như sau:

Tỉnh-Hội Phật-Giáo Lâm - Đồng :	11.000\$00
— Quảng-Ngãi :	10.970\$00
— Tuyên-Đức :	25.800\$00
— Quảng-Tin :	10.000\$00
— Quảng-Nam :	12.000\$00
— Darlac :	3.800\$00
Hãng Hương Giải - Thoát Nha - Trang :	300\$00
Giáo-Sư và Ban Quản-Trị Trường Bồ-Đề Huế	5.628\$00
Trường Bồ - Đề Quảng - Ngãi :	1.030\$00
Gia-Đình Phật-Tử Chánh-Pháp Định-Tường (Nam-Việt)	500\$00
Tỉnh-Hội Phật-Giáo Khánh-Hóa :	25.000\$00
— Ninh-Thuận :	14.339\$00
— Đà-Nẵng :	10.000\$00
Các Khuôn-Hội và Tín-dồ Hội-hữu thuộc thị-xã Huế :	60.000\$00
Hai Đạo-hữu Lê Thị Soạn và Võ Thị-Bảo. Khuôn Phật-Giáo Ni-Liên (Tuyên-Đức) :	1.000\$00
Ban Từ-thiện Khuôn-hội Phật-Giáo Ni-Liên (Tuyên-Đức)	
4 bao áo quần cũ.	

Cộng 191.367\$00

Tổng Trị-Sự chân thành ghi ân và tán thán mỗi Đạo-tình tương thân tương trợ của các Tỉnh-Hội, các ngành Gia - Đình Phật - Tử, Trường Bồ-Đề và Tín-dồ Hội-hữu đã sốt sắng hưởng ứng cứu trợ các Hội-hữu trong lúc tai nạn.

Văn phòng Tổng Trị-Sự Hội Phật-Giáo Việt-Nam tại Trung-Phân sẵn sàng đón nhận các tặng phẩm cũng như tiền bạc của các vị xa gần phát tâm cứu trợ cho nạn bão, xin gửi về Đạo-hữu Tổng Thủ-Quỹ :

CAO-HỮU-VĨNH
Chùa Từ - Đàm
Hộp thư 62 — Huế

TIN TỨC

TIN TRONG NƯỚC

Đại hội đồng Giáo-hội Tăng-già Toàn-quốc. — Tổng-trị-Sự Giáo-hội Tăng-già toàn quốc đã họp tại Phật-học-Viện Ấn-Quang (Chợ lớn) trong những ngày 27, 28 và 29 tháng 11-1962 có đông đủ chư Thượng-Tọa Đại-dức đại biểu cho 3 Giáo-hội Tăng-già Nam phần, Trung phần và Bắc phần tại miền Nam, dưới sự chứng-minh của Hòa-thượng Thích Tịnh-Khiết Hội-chủ Tổng-hội Phật-giáo Việt-Nam, Hòa-Thượng Giác-Nguyên chứng-minh đại đạo sư.

Trong 3 ngày hội họp đã thảo luận các Phật sự quan trọng đại khái :

- Bầu Ban Trị-Sự niên khóa mới.
- Thảo luận đề án hoạt động của Giáo-hội.
- Vấn đề thống nhất thật sự tứ chúng xuất gia.

— Trị-Sự-Trưởng	:	Thượng-Tọa Thích Thiện-Hòa
— Trị-Sự Phó	:	» Thích Mật-Nguyên
— Trị-Sự Phó	:	» Tâm-Giác
— Tổng Thư-Ký	:	» Đức-Nhuận
— Phó Tổng Thư-Ký	:	» Thiện-Định
— Chương-Quỹ	:	» Bửu-Lai
— Trưởng Ban Giám-Luật	:	» Đôn-Hậu
— Trưởng Ban Hoằng-Pháp	:	» Trí-Thủ
— Trưởng Ban Giáo-Dục	:	» Thiện-Hoa
— Trưởng Ban Nghi-Lễ	:	» Mật-Nguyên
— Trưởng Ban Phiên dịch Thánh-Giáo	:	» Trí-Tĩnh
— Trưởng Ban Truyền-chuyên	:	» Thiện-Hòa
— Chương Bộ-Tịch	:	» Tuệ-Đăng
— Trưởng Ban Từ-Thiện xã-hội	:	» Nhật-Minh

— Ấn định vị trí Tăng-bào trọng đại trong tổ chức Phật-Giáo Việt-Nam.

— Vấn đề Tăng tịch.

— Vấn đề tu học của Thanh-niên học Tăng, báo chí, phiên dịch, trước tác, xuất bản kinh sách.

— Thống nhất giáo dục, Hoằng-pháp, y phục, phù hiệu...

— Kiến thiết Đại-Tùng-lâm và trụ sở Giáo-hội toàn quốc.

— Tìm phương tiện phát triển công quỹ cho Giáo-hội Toàn quốc. Đặc biệt trong kỳ hội này là « vấn đề thống nhất Giáo-hội » sẽ xóa bỏ Ban Trị-Sự Giáo-hội cấp phần, mỗi phần chỉ có văn phòng đại diện để liên lạc với Giáo-hội toàn quốc mà thôi.

Dưới đây là thành phần Ban-Trị niên khóa mới :

Thượng-Tọa Thích Thiện-Hòa	:	Thượng-Tọa Thích Thiện-Hòa
» Thích Mật-Nguyên	:	» Thích Mật-Nguyên
» Tâm-Giác	:	» Tâm-Giác
» Đức-Nhuận	:	» Đức-Nhuận
» Thiện-Định	:	» Thiện-Định
» Bửu-Lai	:	» Bửu-Lai
» Đôn-Hậu	:	» Đôn-Hậu
» Trí-Thủ	:	» Trí-Thủ
» Thiện-Hoa	:	» Thiện-Hoa
» Mật-Nguyên	:	» Mật-Nguyên
» Trí-Tĩnh	:	» Trí-Tĩnh
» Thiện-Hòa	:	» Thiện-Hòa
» Tuệ-Đăng	:	» Tuệ-Đăng
» Nhật-Minh	:	» Nhật-Minh

Thầy Thích Thiên-Ân về nước.— Sau 8 năm du học tại Nhật, Thầy Thích Thiên-Ân đã về nước vào ngày 7-12-1962. Chư Tăng và Tín đồ tiếp đón Thầy tại phi trường Tân-sơn-Nhất, rất đông đảo, hiện nay Thầy đang ở tại chùa Ân-Quang Chợ-lớn. Thành tích học lực của thầy đã nói rõ trong Lá thư Đông-kinh của Thầy Mãn-Giác đăng ở L. H. số 8.

Khánh thành Tủ sách Giáo-lý.— Anh em binh-sĩ ở Chi-khu đặc biệt tại Danhim sau khi quy-y Tam-bảo, nay đã thành lập một « Tủ sách giáo-lý » để anh em binh sĩ tới lui nghiên cứu. Lễ khánh thành Tủ sách ấy vào ngày vía đức Dược-sư 30 tháng 9 Âm-lịch, có quý vị Đại-dức chư Tăng, và rất đông Sĩ-quan binh-sĩ và quý Hội-hữu tham dự.

Liên-Hoa có nhận được những hình ảnh buổi lễ ấy rất đẹp và bài Diễn-văn khai mạc của Đại-Úy Chi-khu-trưởng kiêm Cố vấn Chi-khu Phật-giáo Danhim, bài đáp từ của Ban tổ chức và bài cảm tưởng của một quân-nhân Phật-tử rất hay và cảm động, nhưng vì số trang L. H. có hạn nên rất tiếc không thể đăng được.

Buổi tiếp tân của đoàn Sinh-viên Phật-tử Việt-Nam tại chùa Xá-Lợi.— Đoàn Sinh-viên Phật-tử đã tổ chức cuộc tiếp tân rất long trọng tại chùa Xá-Lợi Sài-gòn vào ngày 4-12-1962. Buổi tiếp tân ấy có quý Thượng-tọa, Đại-dức trong Giáo-hội toàn quốc, quý đại-

diện Tổng-hội Phật-giáo Việt-Nam, ông Khoa-trưởng Văn khoa, quý vị giáo-sư Đại học và rất đông thiện tri thức ở Sài-gòn tham dự.

Sau những nghi thức thường lệ, quý vị đại-diện có phát biểu ý kiến, đại khái những ý kiến chung đều hoan nghinh tổ chức Sinh-viên Phật-tử và rất tin tưởng vào khả năng hoạt động của Ban Chấp-hành sẽ đem lại nhiều lợi ích thiết thực cho Sinh-viên nước nhà.

Ngoài « Nội san Tin Tưởng » — cơ quan liên lạc của Sinh-viên Phật-tử Việt-Nam — Liên-Hoa có dịp sẽ lần lượt đăng những tin tức hoạt động của Sinh-viên Phật-tử trong những số tới.

TIN THẾ GIỚI

Thêm một người Mỹ xuất gia.— Ông Robert Duvo ở tiểu-bang California, Mỹ-quốc, tháng 5-1962 tại chùa Yeikta, ở Mandalay. Miến-Điện đã được làm lễ thọ Tỳ-kheo với pháp-danh là Pyinnyaloka, bảy năm trước trong khi làm Giáo-sư ở một trường Tu-thục ở Californie, ông Duvo tình cờ xem qua một cuốn sách nói về tham thiền do một nhà sư Miến-Điện viết (bản dịch Anh-ngữ) và bắt đầu từ đó ông đã nghiên cứu học hỏi Phật-giáo và hồi đầu năm nay ông đã qua Miến-Điện tiếp tục nghiên cứu Triết-học Phật-giáo.

Tù nhân ở Tích-Lan học Phật-pháp.— Những tù nhân ở khám đường Welikada tại Colombo

mong mỗi các vị Tỳ - kheo năng đến thăm họ và mở thêm nhiều buổi giảng dạy Phật-pháp nữa. Họ cũng muốn rằng tất cả những ngày vía được thừa nhận là những ngày nghỉ lễ để họ có thể thực hành trì giới. Ủy ban Cố-vấn Phật-pháp đã chăm lo mọi Phật-sự tại khám đường cho được dễ dàng.

Dưới sự hướng - dẫn của ông Weeraman Giám-đốc văn-hóa vụ Ủy ban trong khi đến thăm họ, đã hỏi han mọi hạng tù nhân. Họ đã than phiền là không có thì giờ riêng biệt cho họ để lo Phật - sự hằng ngày, vì họ chỉ được trì giới trong những ngày vía đã được nhận là nghỉ lễ, còn những ngày vía khác thì họ phải làm việc.

Tiêu-ban Phật - pháp cho rằng cần phải cải cách thêm về phương diện tiện nghi và để dãi trong Phật-sự cho tù nhân.

Một Phật-tử Na-Uy (Norvège). — Một người Na - Uy, ông Gohn Bergh, hiện đang ở tại Rangoon thủ - đô Miến - Điện để học hỏi Phật-giáo dưới sự hướng-dẫn của Đại-đức Mahasi Sayadaw. Ông ở chùa Garden Hermitage. Sau khi tốt nghiệp Cử-nhân Văn - khoa tại Đại - học - đường Oslo ở Na-Uy, ông Bergh đã ham thích Phật-giáo và thường hay có những cuộc bàn luận cùng với những bạn hữu Phật-tử người Đức. Sau đó, ông đã tiếp xúc với Bà Freda Bedi, một phụ-nữ Anh-quốc, đã đứng ra giúp đỡ những vị Lamas tị nạn Trung-

cộng, di cư khỏi Tây-Tạng. Chính vì khuyến nghị của bà Beda, mà ông Bergh đã sang Miến-Điện để học hỏi Phật-giáo.

Cuộc cắm trại trong dịp lễ Phật - Đản tại Úc - đại - Lợi.

— Một cuộc cắm trại đã được tổ chức tại đồi Penant ngày 20-5 trong lịch trong khoảng đất tài sản của Hội Phật-giáo ở New-South Wales. Khi đến nơi nhóm trại đã nghe ông Chủ-tịch hội, Charles F. knight nói về dịp lễ Phật-Đản trong ngày đó mà toàn thể Phật-tử Thế-giới đều long trọng cử hành. Ông cũng nói qua về lịch sử miếng đất tài sản của Hội. Và ý nghĩa của buổi cắm trại hôm ấy.

Ít hội-viên đã được thấy khoảnh đất mà họ là những người sở hữu. Sự phát triển tương lai của tài sản tuy chưa rõ rệt, nhưng là do các hội - viên quyết định, cho nên họ đã đi xem xét khoảnh đất của họ. Mọi người đều công nhận buổi cắm trại là một thành công lớn lao và chứng tỏ các hội - viên ưa thích những cơ hội gặp gỡ trên căn bản giải trí và xã-hội.

Phật-tử phản đối một ngoại đạo Tây - phương tại Tích-Lan. — Do hội Phật-giáo ở Panadura tổ chức một cuộc biểu tình công cộng của Phật - tử đã phản đối sự thiết lập một nhà thờ ngoại đạo Tây - phương trên một thung cảnh mới của thị xã Panadura, cách Colombo chừng 18 dặm. Những người biểu tình, cầm cờ Phật-giáo

thuộc các tổ chức Phật-giáo đứng chen chúc nhau tại chỗ biểu tình. và các tư gia Phật-giáo cũng trang hoàng cờ Phật-giáo. Khoảng 500 Tăng và Ni cũng có mặt trong cuộc biểu tình. Và sau đây là những quyết nghị đã được chấp thuận trong lúc biểu tình :

— Hội-dồng thị-xã Panadura và Chính-phủ Tích-Lan phải cấm xây dựng một nhà thờ ngoại đạo Tây-phương trên đại-lộ giữa tượng Phật và tượng của Đại-đức Guananda người đã tạo ra sự tranh luận giáo lý nổi tiếng tại Panadura đã khiến cho đại-tá Olcott một người Mỹ đến Tích-Lan.

— Hội-dồng thị-xã Panadura và Chính-phủ Tích-Lan phải công nhận Panadura là một thị xã thiêng liêng bởi vì đã được nổi tiếng trên thế-giới vì sự tranh luận giáo lý ở Panadura.

— Chính-phủ phải cử Phật-tử làm Cảnh-sát trưởng và trưởng Y-tế vì Panadura có đa số Phật-tử.

Cứu trợ mùa đông tại Trung-hoa quốc gia Đài-loan.

— Những người nghèo khổ ở Đài-Loan luôn luôn mong mỏi và hướng về công cuộc cứu trợ mùa đông thường niên do các hội Phật-giáo ở Đài-loan bảo trợ. Sự kêu gọi của chùa Shih-Pu ở Tai-chung đã thấu hoạch kết quả to tát quý cứu trợ đã được sử dụng mua sắm bông và sợi mà hội viên Tam Tạng Phật-giáo Trung-quốc đã lo dệt

thành áo quần trong khi nghỉ làm một tuần lễ.

Tại Viện Văn-hóa Phật-giáo Trung-quốc trước khi nhận những gói tặng phẩm gồm có gạo, quần áo, v.v.. Những người được cứu trợ đã đánh lễ bàn Tam-bào.

Các hội-viên của hội Liên-hoa ở Tai-chung đã đóng góp vào cuộc cứu trợ từ trên 10 năm nay và quỹ cứu trợ đã lên đến 41 ngàn đồng bạc Đài-loan mới. Gạo và áo quần mùa đông đã được đem ra phân phát cho hơn 1.000 gia-đình nghèo đói.

Tất cả những hội-viên các hội Phật-giáo ở Tai-chung đã đi rải cùng các đường thành phố, đề quyền trong sự cố gắng thường niên của họ để kiếm sự đóng góp của đồng bào vào quỹ cứu trợ mùa đông. Với hai ngày công tác họ đã thu được 10.000 đồng bạc Đài-loan mới, ngoài một số lớn gạo, áo quần và thuốc men.

Nguồn cảm hứng của Zen (Thiền-tôn). — Trong báo « Thời-sự Chủ-nhật » ở Cựu-kim-Sơn, tác giả Nancy Wilson Ross đã viết như sau :

Phát-sinh từ Ấn-độ, lần lần lan tràn ở Á-châu trong bao thế kỷ như một giòng sông chảy mạnh, Phật-giáo đã bắt đầu phản chiếu ảnh hưởng trên bình diện êm lặng của nó tại các nước mà nó đã đi qua. Khi nó du nhập vào Trung-

hoa, và sau đó vào Nhật-bản, một hình thức đặc biệt Phật-giáo đã phát-triển và đã được mệnh danh ngày nay tại Nhật-bản là Zen

Trong căn bản tôn giáo về tâm-lý, Zen đặc biệt nhấn mạnh vào tự giác và ngộ đạo mà người ta có thể đạt được do sự cố gắng cá nhân. Zen cũng lưu tâm đến những đức tính của đời sống giản dị và từ bỏ tham lam. Zen tìm cách cứu chữa hay giúp đỡ những tâm hồn đau khổ trong sự vắng lặng, trong sự tham-thiền và trong sự hòa mình với Thiên-nhiên. Những năm gần đây Zen đã hấp dẫn mạnh mẽ và gây hứng thú cho những nhà tâm-lý-học, những nghệ sĩ, và những nhà trí thức Tây-phương.

Ảnh hưởng văn-hóa của Zen đối với Á-đông thật vô cùng tận. Đề mục « Con Người trong Thiên-nhiên » đã từ lâu là một đề tài ưa thích cho nền mỹ-thuật cổ điển Trung-hoa và Nhật-bản. Ở đâu cũng vẫn là những cảnh vật đó được lặp đi lặp lại dưới những hình thức khác nhau trong những bức tranh thủy mặc tuyệt tác trên lụa, giản dị đến mức độ như mờ ảo phỉnh phờ.

Chúng nó tránh khỏi được vô vị không phải chỉ nhờ ở nghệ thuật điều luyện trong lối họa, nhưng còn

vì những nghệ-sĩ đó thường hay áp dụng kỹ thuật tinh thần nhằm gây mạnh lực cho chúng nó bằng cách gợi lên những tế nhị.

Nghiên cứu triết học Phật-giáo tại Luân-đôn. — Giảng sư về Pali tại Đại-học đường Phật-giáo Vidyalankara ở Kelamya (Tích-Lan) ông Gunasekera đang nghiên cứu ở Luân-đôn sự phát triển của triết học của Phật-giáo, và những tương quan giữa Bắc phái và Nam phái Phật-giáo.

Đến Luân-đôn với một học bổng của hội British Council, ông Gunasekera đã tuyên bố « không phải một sự lạ lùng mà tôi phải đến Luân-đôn để nghiên cứu về Phật-giáo. Tôi tìm được ở đây vô số văn học Phật-giáo luôn cả những bản chính và những bản dịch cũng như nhiều tiện nghi và dễ dàng nghiên cứu mà rất khó tìm thấy ở Tích-lan ».

Tiếp theo sự nghiên cứu sẽ li những loạt diễn thuyết về lịch sử Phật-giáo và những đề tài liên hệ mà ông Gunasekera đến nghe tại Đại-học Luân-đôn ở trường Cao đẳng Nghiên cứu Á-Châu và Phi-Châu. Khi nào trở về Tích-lan sai khi hoàn thành cuộc nghiên cứu ông Gunasekera định xuất bản một loạt bài nghiên cứu của ông.

Hàng Trà

VĂN AN-THÁI

Số 18, đường Chi-Lăng (Gia-Hội cũ) Huế.

Bồn hiệu khai-trương đến nay đã được năm năm, được sự chiếu cố nồng-hậu của quý vị, chúng tôi rất lấy làm cảm tạ. Nay nhân ngày kỷ-niệm đệ ngũ chu niên của bồn hiệu, và để đáp lại tấm thịnh-tình của mọi giới, chúng tôi đặc tuyên cho ra thêm một loại Trà mới hiệu «BẢO THÁP».

Đặc điểm của Trà «BẢO THÁP» là: nước xanh, cánh nhỏ, hương vị ngào ngạt, giá hạ, rất hợp vệ-sinh, thường dùng thì tinh thần thêm sảng-khoái, sức khỏe thêm dồi-dào, rất hợp với mọi gia-đình.

Trà gói đẹp, mỹ quan, dùng dễ lế và tặng rất xứng đáng.

XIN LƯU Ý: Ngày xuất-phẩm, chúng tôi sẽ biểu Trà và Lịch Năm 1963 cho quý vị nào chiếu cố đến nhãn-hiệu mới.



HÀNG VẬN-TÀI
TÀI-HÙNG

Nhận thay khách hàng chuyển vận hàng hóa
Bằng xe lửa trên đường SAIGON-ĐÀ-NẴNG-HUẾ
Nhận thay khách hàng mua và bán hàng hóa.

96, Đại-lộ Khổng-Tử CHOLON
Điện Thoại 36961

62, Bến Bạch-Đằng ĐÀ-NẴNG
8, Tô Hiến-Thành HUẾ

Hiệu Phước-Thọ-Đường

28, Đại-lộ ĐỒNG-KHÁNH ĐÀ-NẴNG (Việt-Nam)

✱

Buôn bán thuốc bắc và Đại-lý
Cao Đơn Hoàn Tán

Hồng - Phúc

— Chuyên môn chế tạo các loại nhang
trăm do người Việt-Nam sáng chế,

— Rất tinh khiết làm vừa lòng quý
khách xa gần.

— Chuyên bán Hương, Đèn, Trăm,
Trà và Thực-phẩm.

HỒNG-PHÚC

101/ A Phan-Bội-Châu 101/ A

— HUẾ —

Nhà In LIÊN-HOÀ, đường Lam-Sơn, kiệt Từ-Quang — Huế